

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 18/2024/TT-BGDĐT

Hà Nội, ngày 28 tháng 11 năm 2024

THÔNG TƯ

**Ban hành Chương trình Giáo dục đáp ứng yêu cầu của người học;
cập nhật kiến thức, kỹ năng, chuyển giao công nghệ**

Căn cứ Luật Giáo dục ngày 14 tháng 6 năm 2019;

Căn cứ Nghị định số 86/2022/NĐ-CP ngày 24 tháng 10 năm 2022 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Giáo dục và Đào tạo;

Căn cứ Nghị định số 127/2018/NĐ-CP ngày 21 tháng 9 năm 2018 của Chính phủ quy định trách nhiệm quản lý nhà nước về giáo dục;

Theo Biên bản thẩm định của Hội đồng thẩm định Chương trình giáo dục đáp ứng yêu cầu người học; cập nhật kiến thức, kỹ năng, chuyển giao công nghệ;

Theo đề nghị của Vụ trưởng Vụ Giáo dục thường xuyên;

Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Thông tư ban hành Chương trình Giáo dục đáp ứng yêu cầu của người học; cập nhật kiến thức, kỹ năng, chuyển giao công nghệ.

Điều 1. Ban hành kèm theo Thông tư này Chương trình Giáo dục đáp ứng yêu cầu của người học; cập nhật kiến thức, kỹ năng, chuyển giao công nghệ bao gồm: Phần thứ nhất. Những vấn đề chung và Phần thứ hai. Chương trình Giáo dục cụ thể theo các lĩnh vực như sau:

- Chương trình Giáo dục pháp luật.
- Chương trình Giáo dục văn hóa - xã hội.
- Chương trình Giáo dục bảo vệ môi trường.
- Chương trình Giáo dục bảo vệ sức khỏe.
- Chương trình Giáo dục phát triển kinh tế.
- Chương trình Giáo dục kỹ năng sống và tư vấn tâm lý.
- Chương trình Giáo dục hướng nghiệp và khởi nghiệp.
- Chương trình Giáo dục chuyển đổi số trong cộng đồng.

Điều 2. Chương trình Giáo dục đáp ứng yêu cầu của người học; cập nhật kiến thức, kỹ năng, chuyển giao công nghệ ban hành theo Thông tư này dùng cho các cơ sở giáo dục thường xuyên và các cơ sở giáo dục khác nhằm đáp ứng yêu cầu học tập thường xuyên, học tập suốt đời của người dân trong cộng đồng, góp phần nâng cao dân trí và xây dựng xã hội học tập.

Điều 3. Thông tư này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 14 tháng 01 năm 2025 và thay thế Thông tư số 26/2010/QĐ-BGD&ĐT ngày 27 tháng 10 năm 2010 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Chương trình Giáo dục thường xuyên đáp ứng yêu cầu của người học, cập nhật kiến thức, kỹ năng, chuyển giao công nghệ.

Điều 4. Chánh Văn phòng, Vụ trưởng Vụ Giáo dục thường xuyên, Thủ trưởng các đơn vị có liên quan thuộc Bộ Giáo dục và Đào tạo, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương, Giám đốc Sở Giáo dục và Đào tạo và các tổ chức, cá nhân liên quan chịu trách nhiệm thi hành Thông tư này./.

**KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG**

Phạm Ngọc Thưởng

**CHƯƠNG TRÌNH GIÁO DỤC ĐÁP ỨNG YÊU CẦU
CỦA NGƯỜI HỌC; CẬP NHẬT KIẾN THỨC, KỸ NĂNG,
CHUYỂN GIAO CÔNG NGHỆ**

*(Ban hành kèm theo Thông tư số 18/2024/TT-BGDĐT ngày 28 tháng 11 năm 2024
của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo)*

MỤC LỤC

PHẦN THỨ NHẤT. NHỮNG VẤN ĐỀ CHUNG VỀ CHƯƠNG TRÌNH GIÁO DỤC ĐÁP ỨNG YÊU CẦU CỦA NGƯỜI HỌC; CẬP NHẬT KIẾN THỨC, KỸ NĂNG, CHUYÊN GIAO CÔNG NGHỆ Trang

I. MỤC TIÊU

II. NỘI DUNG, THỜI LƯỢNG VÀ KẾ HOẠCH DẠY HỌC

III. ĐỊNH HƯỚNG VỀ PHƯƠNG PHÁP, HÌNH THỨC TỔ CHỨC DẠY HỌC VÀ ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ HỌC TẬP

IV. TỔ CHỨC THI VÀ CẤP CHỨNG CHỈ HOÀN THÀNH KHÓA HỌC

V. ĐIỀU KIỆN ĐẢM BẢO THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH

VI. PHÁT TRIỂN CHƯƠNG TRÌNH

VII. TỔ CHỨC THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH

PHẦN THỨ HAI. CHƯƠNG TRÌNH GIÁO DỤC CỤ THỂ THEO CÁC LĨNH VỰC

1. CHƯƠNG TRÌNH GIÁO DỤC PHÁP LUẬT

2. CHƯƠNG TRÌNH GIÁO DỤC VĂN HÓA - XÃ HỘI

3. CHƯƠNG TRÌNH GIÁO DỤC BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG

4. CHƯƠNG TRÌNH GIÁO DỤC BẢO VỆ SỨC KHỎE

5. CHƯƠNG TRÌNH GIÁO DỤC PHÁT TRIỂN KINH TẾ

6. CHƯƠNG TRÌNH GIÁO DỤC KỸ NĂNG SỐNG VÀ TƯ VẤN TÂM LÝ

7. CHƯƠNG TRÌNH GIÁO DỤC HƯỚNG NGHIỆP VÀ KHỞI NGHIỆP

8. CHƯƠNG TRÌNH GIÁO DỤC CHUYÊN ĐỒ SỐ TRONG CỘNG ĐỒNG

PHỤ LỤC I. Mẫu Giấy chứng nhận

PHỤ LỤC II. Mẫu Chứng chỉ

PHẦN THỨ NHẤT. NHỮNG VẤN ĐỀ CHUNG VỀ CHƯƠNG TRÌNH GIÁO DỤC ĐÁP ỨNG YÊU CẦU CỦA NGƯỜI HỌC; CẬP NHẬT KIẾN THỨC, KỸ NĂNG, CHUYÊN GIAO CÔNG NGHỆ

I. MỤC TIÊU

- Chương trình Giáo dục đáp ứng yêu cầu của người học; cập nhật kiến thức, kỹ năng, chuyên giao công nghệ (gọi chung là Chương trình Giáo dục đáp ứng yêu cầu của người học) nhằm tạo cơ hội học tập cho người học có nhu cầu cập nhật, bổ sung kiến thức, kỹ năng cần thiết cho cuộc sống, sản xuất và tiếp nhận công nghệ mới, phát triển kinh tế tạo thu nhập, nâng cao chất lượng cuộc sống của bản thân, gia đình; đáp ứng yêu cầu nâng cao dân trí, bồi dưỡng nguồn nhân lực của địa phương, nhu cầu học tập thường xuyên, học tập suốt đời của mọi người; góp phần xây dựng xã hội học tập và phát triển cộng đồng bền vững.

- Chương trình Giáo dục đáp ứng yêu cầu của người học góp phần tiếp tục phát triển phẩm chất, năng lực cần thiết đối với người học trong các mối quan hệ của cuộc sống, khả năng tự học và ý thức học tập suốt đời, định hướng nghề nghiệp phù hợp với năng lực, điều kiện, hoàn cảnh của bản thân, gia đình và xã hội.

II. NỘI DUNG, THỜI LƯỢNG VÀ KẾ HOẠCH DẠY HỌC

1. Nội dung giáo dục

- Chương trình Giáo dục đáp ứng yêu cầu của người học bao gồm các Chương trình Giáo dục cụ thể theo các lĩnh vực: Pháp luật, văn hóa - xã hội, bảo vệ môi trường, bảo vệ sức khỏe, phát triển kinh tế, kỹ năng sống và tư vấn tâm lý, hướng nghiệp và khởi nghiệp, chuyển đổi số trong cộng đồng. Mỗi nội dung giáo dục đều được thực hiện tại các Chương trình giáo dục cụ thể theo các lĩnh vực trên.

- Chương trình Giáo dục cụ thể ở từng lĩnh vực bảo đảm cung cấp cho người học những nội dung kiến thức cơ bản, thiết thực và hữu ích giúp người học có thể vận dụng các kiến thức, kỹ năng đã học vào giải quyết những vấn đề của cuộc sống, góp phần phát triển bản thân và nâng cao chất lượng cuộc sống.

2. Thời lượng

- Chương trình Giáo dục đáp ứng yêu cầu của người học được thiết kế linh hoạt và mềm dẻo theo hướng mở. Chương trình quy định thời lượng cụ thể cho từng Chương trình Giáo dục theo các lĩnh vực, từng chủ đề, nội dung giáo dục, không quy định thời gian hoàn thành cho toàn bộ chương trình.

- Chương trình Giáo dục đáp ứng yêu cầu của người học chỉ quy định mỗi buổi học không quá 3 tiết. Mỗi tiết học là 45 phút, không quy định số tiết, số buổi học trong tuần, tháng và năm.

- Chương trình Giáo dục đáp ứng yêu cầu của người học quy định thời lượng cụ thể cho từng chương trình giáo dục theo các lĩnh vực như sau:

TT	Các chương trình giáo dục cụ thể	Tổng số tiết	Trong đó số tiết	
			Lý thuyết	Thực hành
1	Chương trình Giáo dục pháp luật	180	104	76
2	Chương trình Giáo dục văn hóa - xã hội	180	107	73
3	Chương trình Giáo dục bảo vệ môi trường	180	96	84
4	Chương trình Giáo dục bảo vệ sức khỏe	210	138	72
5	Chương trình Giáo dục phát triển kinh tế	210	117	93
6	Chương trình Giáo dục kỹ năng sống và tư vấn tâm lý	180	89	91
7	Chương trình Giáo dục hướng nghiệp và khởi nghiệp	180	86	94
8	Chương trình Giáo dục chuyển đổi số trong cộng đồng	180	83	97
	Tổng số tiết	1500	820	680

3. Kế hoạch dạy học

- Căn cứ vào nội dung và yêu cầu cần đạt của từng chương trình giáo dục cụ thể, các cơ sở giáo dục thường xuyên và các cơ sở giáo dục khác (gọi chung là các cơ sở giáo dục thường xuyên) chủ động xây dựng kế hoạch tổ chức dạy học linh hoạt đối với từng chương trình giáo dục theo các lĩnh vực. Hằng năm, các cơ sở giáo dục thường xuyên xây dựng kế hoạch tổ chức dạy học cho từng chương trình giáo dục cụ thể theo các lĩnh vực tối thiểu mỗi chương trình từ 30 tiết trở lên cho các đối tượng người học.

- Giao quyền chủ động cho các địa phương căn cứ vào việc điều tra nhu cầu người học, yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội của địa phương và điều kiện thực tế tổ chức dạy học tại các cơ sở giáo dục thường xuyên để lựa chọn các chủ đề/nội dung dạy học của từng chương trình giáo dục cụ thể theo các lĩnh vực cho phù hợp, đảm bảo mục tiêu, yêu cầu cần đạt của chương trình được quy định tại phần thứ hai của Thông tư này.

III. ĐỊNH HƯỚNG PHƯƠNG PHÁP, HÌNH THỨC TỔ CHỨC DẠY HỌC VÀ KIỂM TRA, ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ HỌC TẬP

1. Phương pháp dạy học

- Chương trình Giáo dục đáp ứng yêu cầu của người học được xây dựng theo định hướng phát triển phẩm chất và năng lực người học. Vì vậy, phương pháp dạy học chủ yếu là tổ chức cho người học được tham gia thực hiện các hoạt động học tập gắn với những tình huống thực tiễn của cuộc sống; gắn với hoạt động thực hành và trải nghiệm.

- Tùy từng đối tượng người học khác nhau và tính đặc thù của từng chương trình giáo dục theo các lĩnh vực cụ thể, giáo viên, báo cáo viên có thể lựa chọn và sử dụng các phương pháp dạy học phù hợp với chủ đề, nội dung dạy học nhằm phát huy vai trò chủ động, độc lập và kinh nghiệm của người học; Coi trọng các phương pháp tổ chức cho người học được thực hành, trải nghiệm vận dụng kiến thức, kỹ năng đã học vào giải quyết những vấn đề thực tiễn cuộc sống,

lao động, sản xuất, kinh doanh. Khuyến khích giáo viên, báo cáo viên ứng dụng công nghệ thông tin và chuyển đổi số vào các bài giảng, khai thác nguồn tài nguyên học liệu mở, học liệu số để xây dựng các bài giảng có nội dung hấp dẫn, tạo hứng thú trong học tập cho người học.

2. Hình thức tổ chức dạy học

Hình thức tổ chức dạy học Chương trình Giáo dục đáp ứng yêu cầu của người học được tổ chức theo hướng mở, linh hoạt với nhiều hình thức đa dạng khác nhau. Căn cứ vào nội dung của các chủ đề và đối tượng người học, giáo viên, báo cáo viên có thể lựa chọn, tổ chức theo các hình thức gồm: học tập trung, học ở thực địa, học qua các buổi tập huấn chuyên giao khoa học - công nghệ, các buổi nói chuyện trực tiếp, lồng ghép thông qua các buổi sinh hoạt câu lạc bộ, sinh hoạt nhóm, tham quan thực tế, tổ chức hội thi, học qua đài phát thanh, đài truyền hình; có thể cung cấp học liệu từ rơi, từ gấp để người học tự học, tự đọc, tự nghiên cứu sách, báo, tài liệu nâng cao kiến thức cho bản thân.

3. Kiểm tra, đánh giá kết quả học tập

- Việc đánh giá kết quả học tập của người học được thực hiện theo từng chương trình giáo dục cụ thể. Kết quả học tập của từng chương trình giáo dục cụ thể theo các lĩnh vực giáo dục được đánh giá theo hình thức Đạt và Chưa đạt.

- Việc đánh giá kết quả học tập của người học theo từng nội dung, chủ đề phải đảm bảo theo đúng yêu cầu cần đạt quy định tại Chương trình giáo dục cụ thể. Việc kiểm tra, đánh giá kết quả học tập theo hướng người học vận dụng kiến thức, kỹ năng đã học vào giải quyết các vấn đề thực tiễn của đời sống, đánh giá sự thay đổi thái độ, hành vi của người học trong từng Chương trình giáo dục theo các lĩnh vực cụ thể.

- Sau một chủ đề, việc kiểm tra, đánh giá theo một trong các hình thức: hỏi - đáp, viết, thuyết trình, thực hành, đánh giá bằng quan sát, phiếu trắc nghiệm, bài thu hoạch, sản phẩm học tập hoặc kết quả thực tế vận dụng kiến thức đã học vào giải quyết các tình huống của bản thân và gia đình người học.

- Đối với mỗi chương trình giáo dục cụ thể, người học được đánh giá phù hợp với tiến trình của từng chủ đề, giáo viên, báo cáo viên ghi kết quả đánh giá vào Sổ theo dõi và đánh giá người học của từng chương trình giáo dục cụ thể để sử dụng trong việc cấp Giấy chứng nhận hoàn thành chương trình giáo dục theo quy định.

- Người học hoàn thành một chủ đề của từng chương trình giáo dục cụ thể, kiểm tra đạt yêu cầu được cấp Giấy chứng nhận hoàn thành chủ đề của chương trình giáo dục theo mẫu tại Phụ lục I của Thông tư này.

- Người học hoàn thành chương trình giáo dục cụ thể, kiểm tra đạt yêu cầu được cấp Giấy chứng nhận hoàn thành chương trình giáo dục theo mẫu tại Phụ lục I của Thông tư này.

- Người học hoàn thành toàn bộ chương trình giáo dục cụ thể, kiểm tra đạt yêu cầu, được tham dự kỳ thi cấp chứng chỉ tại mục IV của Thông tư này, nếu đạt yêu cầu theo quy định thì được cấp Chứng chỉ theo mẫu tại Phụ lục II của Thông tư này.

IV. TỔ CHỨC THI VÀ CẤP CHỨNG CHỈ HOÀN THÀNH KHÓA HỌC

1. Mục đích, yêu cầu

- Mục đích của kỳ thi nhằm đánh giá kết quả học tập của học viên theo học Chương trình Giáo dục đáp ứng yêu cầu người học; thúc đẩy học tập suốt đời, xây dựng xã hội học tập từ cơ sở.

- Yêu cầu kỳ thi phải đảm bảo khách quan, công bằng, nghiêm túc và đúng thẩm quyền.

2. Đơn vị tổ chức thi

- Đơn vị tổ chức thi bao gồm: Trung tâm Giáo dục thường xuyên, Trung tâm Giáo dục nghề nghiệp - Giáo dục thường xuyên (gọi chung là trung tâm giáo dục thường xuyên) được cơ quan nhà nước có thẩm quyền đồng ý trên cơ sở đề xuất của trung tâm giáo dục thường xuyên.

- Đơn vị tổ chức thi chịu trách nhiệm trước pháp luật về mọi công tác trước, trong và sau khi tổ chức thi, bao gồm cả trách nhiệm giải trình trước cơ quan quản lý nhà nước và xã hội về chất lượng đề thi, triển khai tổ chức thi, quy định và

quy trình tổ chức thi. Đề thi phải đảm bảo các nội dung và yêu cầu cần đạt theo quy định. Việc tổ chức coi thi, chấm thi đảm bảo theo các quy định hiện hành.

- Đơn vị tổ chức thi có trách nhiệm tổ chức thi và cấp chứng chỉ theo quy định tại Thông tư này và quy định của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh; cung cấp tài liệu minh chứng phục vụ cho công tác thanh tra, kiểm tra giám sát khi có yêu cầu.

3. Đối tượng dự thi: Người học đã hoàn thành Chương trình giáo dục theo từng lĩnh vực cụ thể quy định tại Thông tư này, được đánh giá kết quả học tập ở mức Đạt, đủ điều kiện tham dự kỳ thi. Người học dự thi, nếu đạt yêu cầu thì được cấp chứng chỉ tương ứng với Chương trình học.

4. Quản lý cấp phát chứng chỉ

- Giám đốc trung tâm giáo dục thường xuyên cấp chứng chỉ cho thí sinh sau khi có kết quả thi được công bố công khai.
- Việc quản lý, cấp phát và thu hồi chứng chỉ thực hiện theo quy định hiện hành của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

5. Chế độ báo cáo và lưu trữ

a) Chế độ báo cáo: Đơn vị tổ chức thi thực hiện chế độ báo cáo theo quy định. Trong thời hạn 20 ngày làm việc kể từ khi công bố kết quả cuối cùng của kỳ thi, đơn vị tổ chức thi báo cáo Sở Giáo dục và Đào tạo kết quả tổ chức thi và cấp chứng chỉ theo từng Chương trình giáo dục cụ thể. Nội dung báo cáo bao gồm: Đặc điểm, tình hình của đơn vị tổ chức thi, bộ phận chuyên trách, đơn vị phối hợp (nếu có); Danh sách các địa điểm thi; Số liệu tổng hợp kết quả tổ chức thi ; Kế hoạch dự kiến tổ chức thi trong năm; Các đề xuất, kiến nghị (nếu có).

b) Lưu trữ hồ sơ

- Trung tâm lưu trữ hồ sơ tổ chức thi lưu trữ theo quy định hiện hành của Bộ Giáo dục và Đào tạo.
- Hồ sơ lưu trữ vĩnh viễn: Danh sách thí sinh dự thi, bảng điểm chi tiết; Quyết định phê duyệt danh sách thí sinh được cấp chứng chỉ, sổ cấp phát chứng chỉ.
- Hồ sơ lưu trữ ít nhất 02 năm: Bài thi, các biên bản xử lý trong quá trình tổ chức thi.

V. ĐIỀU KIỆN ĐẢM BẢO THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH

Các cơ sở giáo dục thường xuyên được tổ chức thực hiện Chương trình Giáo dục đáp ứng yêu cầu của người học phải đảm bảo các điều kiện về đội ngũ giáo viên, báo cáo viên, cơ sở vật chất, thiết bị dạy học để đảm bảo chất lượng.

1. Về đội ngũ giáo viên, báo cáo viên

- Giáo viên, báo cáo viên tham gia giảng dạy các chương trình giáo dục cụ thể phải có trình độ chuyên môn phù hợp, tốt nghiệp trình độ cao đẳng trở lên, có kinh nghiệm trong các hoạt động giáo dục cộng đồng cùng với các yêu cầu khác theo quy định hiện hành và quy định của từng Chương trình Giáo dục cụ thể.

- Hằng năm, giáo viên, báo cáo viên phải được tập huấn, bồi dưỡng về Chương trình Giáo dục đáp ứng yêu cầu người học theo các chương trình giáo dục cụ thể.

2. Về cơ sở vật chất, thiết bị dạy học

- Về cơ sở vật chất: Đảm bảo các điều kiện tối thiểu để tổ chức dạy học, tận dụng các cơ sở vật chất sẵn có của địa phương: Phòng học tại các cơ sở giáo dục, hội trường Ủy ban nhân dân xã, nhà văn hóa của các thôn/bản, các mô hình, trung tâm, trang trại, các làng nghề, các di tích lịch sử phù hợp với nội dung chủ đề của các chương trình giáo dục cụ thể và quy mô của lớp học.

- Thiết bị dạy học: Máy tính, máy chiếu, tivi, video, các phần mềm, tài nguyên học liệu mở, các website, các chương trình truyền thanh, truyền hình có nội dung phù hợp với từng lĩnh vực giáo dục cụ thể.

3. Tài liệu giáo dục

- Căn cứ vào nội dung của các chương trình giáo dục cụ thể theo quy định, Sở Giáo dục và Đào tạo chủ trì, phối hợp với các ban, ngành, đoàn thể trên địa bàn để tổ chức biên soạn tài liệu giáo dục theo từng chương trình cụ thể phù hợp với điều kiện thực tế của địa phương và phê duyệt để thực hiện.

- Việc biên soạn tài liệu để giảng dạy phải đảm bảo các yêu cầu về chuyên môn, phù hợp với thực tế của địa phương và đối tượng người học. Nội dung tài liệu thể hiện đúng và đầy đủ yêu cầu cần đạt của chương trình, bảo đảm tính cơ bản, khoa học, thiết thực. Các thuật ngữ, khái niệm, định nghĩa, số liệu, sự kiện, hình ảnh bảo đảm chính xác, khách quan, nhất quán và phù hợp với trình độ người học; các số liệu, sự kiện, hình ảnh có nguồn gốc rõ ràng.

- Giáo viên, báo cáo viên được phân công tham gia giảng dạy các lĩnh vực giáo dục cụ thể chủ động xây dựng bài giảng trên cơ sở tham khảo các tài liệu được cấp có thẩm quyền phê duyệt và tài liệu hợp pháp để hướng dẫn người học đảm bảo chất lượng.

VI. PHÁT TRIỂN CHƯƠNG TRÌNH

1. Phát triển Chương trình giáo dục đáp ứng yêu cầu của người học là hoạt động thường xuyên, bao gồm các khâu đánh giá, sửa đổi, bổ sung, hoàn thiện chương trình trong quá trình thực hiện.

2. Trong quá trình thực hiện, Bộ Giáo dục và Đào tạo tổ chức khảo sát thực tế, tham khảo ý kiến các cơ quan quản lý giáo dục, các cơ sở giáo dục, cán bộ quản lý, giáo viên, báo cáo viên để đánh giá chương trình, xem xét, điều chỉnh, xây dựng chương trình giáo dục mới (nếu cần thiết) và hướng dẫn thực hiện các điều chỉnh (nếu có).

VII. TỔ CHỨC THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH

1. Trách nhiệm của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh

a) Căn cứ Chương trình quy định tại Thông tư này và các văn bản có liên quan, ban hành văn bản quy định về tổ chức thi và cấp chứng chỉ Chương trình Giáo dục đáp ứng yêu cầu của người học trên địa bàn tỉnh theo thẩm quyền. Nội dung văn bản quy định bao gồm:

- Mục đích và yêu cầu.

- Nhiệm vụ, quyền hạn của các tổ chức, cá nhân tham gia công tác tổ chức thi: Kế hoạch tổ chức thi, tổ chức đăng ký dự thi, công tác đề thi, coi thi, chấm thi, phúc khảo.

- Công bố kết quả, báo cáo kết quả thi và các nội dung khác có liên quan (nếu có).

b) Ban hành quy định tiêu chuẩn, quy trình biên soạn, thẩm định, chỉnh sửa và phê duyệt tài liệu giáo dục; chỉ đạo việc tổ chức biên soạn, thẩm định tài liệu Chương trình để tổ chức thực hiện giảng dạy tại địa phương cho phù hợp.

c) Đảm bảo kinh phí cho việc tổ chức thực hiện chương trình (biên soạn tài liệu, tổ chức giảng dạy chương trình, bồi dưỡng tập huấn), kinh phí tổ chức thi và cấp chứng chỉ.

2. Trách nhiệm của Sở Giáo dục và Đào tạo

- Tham mưu Ủy ban nhân dân cấp tỉnh ban hành văn bản quy định về tổ chức thi và cấp chứng chỉ Chương trình Giáo dục đáp ứng yêu cầu của người học trên địa bàn tỉnh. Hướng dẫn các đơn vị tổ chức thi thực hiện quy định về tổ chức thi và cấp chứng chỉ thống nhất trên địa bàn.

- Tham mưu với Ủy ban nhân dân tỉnh bố trí kinh phí để tổ chức thực hiện Chương trình, tổ chức thi và cấp chứng chỉ theo quy định.

- Ban hành các văn bản hướng dẫn thực hiện Chương trình Giáo dục đáp ứng yêu cầu của người học đến các phòng Giáo dục và Đào tạo trên địa bàn. Chỉ đạo các hoạt động tổ chức dạy học thực hiện Chương trình Giáo dục đáp ứng yêu cầu của người học phù hợp với tình hình thực tế của địa phương.

- Xây dựng kế hoạch và tổ chức tập huấn bồi dưỡng cho đội ngũ giáo viên, báo cáo viên cốt cán của tỉnh theo từng chương trình giáo dục cụ thể;

- Thực hiện việc kiểm tra, giám sát Chương trình Giáo dục đáp ứng yêu cầu của người học và tổ chức thi, cấp chứng chỉ của các cơ sở giáo dục thường xuyên theo thẩm quyền.

3. Trách nhiệm của Phòng Giáo dục và Đào tạo

- Tham mưu cho Ủy ban nhân dân cấp huyện bố trí kinh phí và kế hoạch đầu tư cơ sở vật chất, trang thiết bị tổ chức dạy học cho cơ sở giáo dục thường xuyên trên địa bàn để thực hiện Chương trình Giáo dục đáp ứng yêu cầu người học đạt hiệu quả.

- Chủ trì, phối hợp với các ban, ngành, đoàn thể trên địa bàn huyện hỗ trợ nguồn lực, cung cấp tài liệu, đội ngũ báo cáo viên để tổ chức dạy học cho mọi người dân và tạo điều kiện thuận lợi cho các trung tâm học tập cộng đồng hoạt động có hiệu quả, góp phần thực hiện tốt các mục tiêu phát triển kinh tế, văn hóa, xã hội của địa phương;

- Xây dựng kế hoạch và tổ chức tập huấn về chuyên môn nghiệp vụ cho đội ngũ giáo viên, báo cáo viên các trung tâm học tập cộng đồng.

- Thực hiện việc kiểm tra, giám sát Chương trình Giáo dục đáp ứng yêu cầu của người học theo thẩm quyền.

4. Trách nhiệm của cơ sở giáo dục thường xuyên

- Hằng năm, các cơ sở giáo dục thường xuyên chủ động phối hợp với các ban, ngành, đoàn thể tại địa phương để điều tra nhu cầu học tập của người dân trong cộng đồng; Xác định nội dung học tập của người học theo nhu cầu và từng nhóm đối tượng và yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội, nguồn nhân lực của địa phương.

- Xây dựng kế hoạch tổ chức dạy học và hình thức học tập phù hợp với từng loại đối tượng; bố trí đội ngũ giáo viên, báo cáo viên và tổ chức thực hiện giảng dạy các chương trình giáo dục cụ thể phù hợp với điều kiện cụ thể và nhu cầu của người học.

- Trung tâm Giáo dục thường xuyên, Trung tâm Giáo dục nghề nghiệp - Giáo dục thường xuyên có trách nhiệm hỗ trợ các trung tâm học tập cộng đồng trên địa bàn huyện về điều tra nhu cầu học tập của người dân, bố trí đội ngũ giáo viên, báo cáo viên có trình độ chuyên môn phù hợp tham gia giảng dạy Chương trình Giáo dục cụ thể theo lĩnh vực, đáp ứng yêu cầu học tập của người dân trong cộng đồng.

PHẦN THỨ HAI. CHƯƠNG TRÌNH GIÁO DỤC CỤ THỂ THEO CÁC LĨNH VỰC

CHƯƠNG TRÌNH GIÁO DỤC PHÁP LUẬT

I. MỤC TIÊU

Chương trình Giáo dục pháp luật là một lĩnh vực giáo dục của Chương trình Giáo dục đáp ứng yêu cầu của người học nhằm góp phần tiếp tục phát triển phẩm chất và năng lực của người công dân thông qua các chủ đề về pháp luật; hình thành ý thức trách nhiệm và hành vi của người công dân trong việc tuân thủ pháp luật; có khả năng tham gia các hoạt động phù hợp với lứa tuổi để thực hiện quyền, nghĩa vụ công dân trong các lĩnh vực của đời sống xã hội và trách nhiệm công dân trong sự nghiệp xây dựng, bảo vệ Tổ quốc.

1. Năng lực

- Nêu được tầm quan trọng của giáo dục pháp luật đối với cuộc sống con người và sự phát triển bền vững của cộng đồng, đất nước; trách nhiệm công dân bảo vệ, xây dựng, hoàn thiện bộ máy chính quyền cơ sở; quyền và nghĩa vụ cơ bản của công dân; pháp luật trong một số lĩnh vực của đời sống xã hội.

- Biết được các quy định cơ bản, cần thiết của pháp luật gắn trực tiếp với cuộc sống của nhân dân khi tham gia các mối quan hệ của cá nhân trong đời sống xã hội và cộng đồng.

- Vận dụng được các kiến thức pháp luật để thực hiện, bảo vệ quyền, nghĩa vụ cơ bản của công dân trong các tình huống pháp luật của thực tiễn cuộc sống.

2. Phẩm chất

- Có ý thức tôn trọng và chấp hành pháp luật; tự giác thực hiện pháp luật, góp phần xây dựng và bảo vệ Nhà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam; tôn trọng quyền và lợi ích hợp pháp của mọi cá nhân, tổ chức; đấu tranh với những hành vi xâm phạm quyền và lợi ích hợp pháp của tổ chức, cá nhân.

- Có thái độ đồng tình, ủng hộ những hành vi, việc làm phù hợp với quy định pháp luật; phê phán, đấu tranh với những hành vi vi phạm pháp luật trong các lĩnh vực của đời sống xã hội.

- Có ý thức và trách nhiệm trong việc chủ động tìm hiểu pháp luật; có trách nhiệm truyền thông, vận động mọi người trong gia đình và người dân trong cộng đồng nghiêm túc chấp hành và thực hiện đúng các quy định của pháp luật.

II. NỘI DUNG CHƯƠNG TRÌNH VÀ MỨC ĐỘ CẦN ĐẠT

1. Nội dung khái quát

Chủ đề/nội dung	Thời lượng (Tổng số tiết)	Trong đó số tiết	
		Lý thuyết	Thực hành
CHỦ ĐỀ 1. MỘT SỐ VẤN ĐỀ CHUNG VỀ NHÀ NƯỚC VÀ PHÁP LUẬT	12	8	4
1. Pháp luật và đời sống	3	2	1
2. Hệ thống chính trị nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam	3	2	1
3. Bộ máy chính quyền Nhà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam	3	2	1
4. Hệ thống tư vấn pháp luật và trợ giúp pháp lý	3	2	1
CHỦ ĐỀ 2. QUYỀN CON NGƯỜI, QUYỀN VÀ NGHĨA VỤ CƠ BẢN CỦA CÔNG DÂN	60	42	18
7. Quyền con người	3	3	
8. Quyền và nghĩa vụ cơ bản của công dân	3	3	

Chủ đề/nội dung	Thời lượng (Tổng số tiết)	Trong đó số tiết	
		Lý thuyết	Thực hành
9. Quyền cơ bản của công dân trong lĩnh vực chính trị, dân sự	30	20	10
9.1. Quyền tham gia quản lý nhà nước, quản lý xã hội	3	2	1
9.2. Quyền bầu cử, ứng cử	3	2	1
9.3. Quyền khiếu nại, tố cáo	3	2	1
9.4. Quyền bình đẳng trước pháp luật	3	2	1
9.5. Quyền bất khả xâm phạm về thân thể; bất khả xâm phạm về chỗ ở; được bảo đảm an toàn, bí mật về thư tín, điện thoại, điện tín của công dân	3	2	1
9.6. Quyền được pháp luật bảo hộ về tính mạng, sức khỏe, danh dự và nhân phẩm	3	2	1
9.7. Quyền tự do tín ngưỡng, tôn giáo	3	2	1
9.8. Quyền được khai sinh, xác định dân tộc, quốc tịch	3	2	1
9.9. Quyền sở hữu tài sản	3	2	1
9.10. Quyền thừa kế	3	2	1
10. Quyền cơ bản của công dân trong lĩnh vực kinh tế, văn hóa, xã hội	15	10	5
10.1. Quyền tự do kinh doanh	3	2	1
10.2. Quyền và nghĩa vụ lao động	3	2	2

Chủ đề/nội dung	Thời lượng (Tổng số tiết)	Trong đó số tiết	
		Lý thuyết	Thực hành
10.3. Quyền học tập; Quyền nghiên cứu khoa học, kỹ thuật, phát minh, sáng chế, sáng tạo nghệ thuật	6	4	2
10.4. Quyền làm việc, quyền được bảo đảm an sinh xã hội, quyền được bảo vệ, chăm sóc sức khỏe, khám chữa bệnh	3	2	1
11. Nghĩa vụ của công dân	9	6	3
11.1. Nghĩa vụ bảo vệ Tổ quốc; bảo vệ an ninh quốc gia, trật tự an toàn xã hội và tham gia xây dựng quốc phòng toàn dân	3	2	1
11.2. Nghĩa vụ tuân theo Hiến pháp, pháp luật, chấp hành những quy tắc sinh hoạt cộng đồng	3	2	1
11.3. Nghĩa vụ đóng thuế	3	2	1
CHỦ ĐỀ 3. PHÁP LUẬT TRONG MỘT SỐ LĨNH VỰC CỦA ĐỜI SỐNG XÃ HỘI	108	54	54
12. Chính sách đối với người có công, người cao tuổi, người tàn tật, khuyết tật	6	3	3
13. Chính sách đối với người nghèo và hộ nghèo	6	3	3
14. Pháp luật về xử Lý vi phạm hành chính	6	3	3

Chủ đề/nội dung	Thời lượng (Tổng số tiết)	Trong đó số tiết	
		Lý thuyết	Thực hành
15. Pháp luật về tiếp cận thông tin và thực hiện dân chủ ở cơ sở	6	3	3
16. Pháp luật về đất đai	6	3	3
17. Pháp luật về lao động	6	3	3
18. Pháp luật về giáo dục	6	3	3
19. Pháp luật về trật tự, an toàn giao thông	6	3	3
20. Pháp luật về bảo vệ di sản văn hóa	6	3	3
21. Pháp luật về vệ sinh an toàn thực phẩm	6	3	3
22. Pháp luật về bảo vệ, chăm sóc và giáo dục trẻ em	6	3	3
23. Pháp luật về phòng, chống bạo lực gia đình	6	3	3
24. Pháp luật về dân sự	6	3	3
25. Pháp luật về hình sự	6	3	3
26. Pháp luật về khiếu nại, tố cáo	6	3	3
27. Pháp luật an toàn thông tin mạng	6	3	3
28. Pháp luật về an ninh mạng	6	3	3
29. Pháp luật về nghĩa vụ quân sự	6	3	3
Tổng số tiết	180	104	76

2. Nội dung cụ thể và yêu cầu cần đạt

Chương trình Giáo dục pháp luật gồm 3 chủ đề, mỗi chủ đề có nội dung và yêu cầu cần đạt về phẩm chất và năng lực như sau:

Chủ đề/nội dung	Yêu cầu cần đạt	Ghi chú
CHỦ ĐỀ 1. MỘT SỐ VẤN ĐỀ CHUNG VỀ NHÀ NƯỚC VÀ PHÁP LUẬT		
1. Pháp luật và đời sống		
1.1. Pháp luật	<ul style="list-style-type: none"> - Nêu được khái niệm về pháp luật; trình bày được đặc trưng cơ bản và bản chất của pháp luật. - Phân biệt được pháp luật với đạo đức, phong tục tập quán. - Trình bày được vai trò của pháp luật đối với nhà nước, xã hội và công dân. - Nêu được khái niệm thực hiện pháp luật, các hình thức thực hiện pháp luật. - Trình bày được khái niệm vi phạm pháp luật và trách nhiệm pháp lý. - Biết được sự cần thiết phải sử dụng pháp luật để xử lý những vấn đề của bản thân, gia đình trong các mối quan hệ xã hội, cộng đồng theo đúng quy định của pháp luật. 	<ul style="list-style-type: none"> - Đặc trưng cơ bản của pháp luật gồm: Tính quy phạm phổ biến, tính quyền lực, bắt buộc chung và tính xác định chặt chẽ về hình thức. - Vai trò của pháp luật trong đời sống: Pháp luật là phương tiện quản lý nhà nước; là phương tiện để công dân thực hiện và bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của mình. - Trách nhiệm pháp lý của chủ thể vi phạm pháp luật là: trách nhiệm hình sự; trách nhiệm dân sự; trách nhiệm hành chính; trách nhiệm kỷ

Chủ đề/nội dung	Yêu cầu cần đạt	Ghi chú
	<ul style="list-style-type: none"> - Nêu được nguyên nhân cơ bản và hậu quả của hành vi vi phạm pháp luật công dân. Phân biệt được hành vi đúng và chưa đúng theo quy định của pháp luật. - Liên hệ được thực tiễn bản thân về việc vi phạm pháp luật và trách nhiệm pháp lý phải thực hiện theo quy định của pháp luật. - Có thái độ không đồng tình và phê phán những hành vi vi phạm pháp luật. - Có ý thức trách nhiệm tuân thủ và thực hiện đúng các quy định của pháp luật. 	<p>luật; trách nhiệm vật chất theo quy định của pháp luật tùy thuộc vào hành vi vi phạm pháp luật của chủ thể.</p>
1.2. Giáo dục pháp luật	<ul style="list-style-type: none"> - Trình bày được khái niệm giáo dục pháp luật; nêu được mục đích, ý nghĩa, yêu cầu và nội dung giáo dục pháp luật cho người dân trong cộng đồng. - Trình bày được vai trò của giáo dục pháp luật đối với cá nhân và xã hội. - Nêu được trách nhiệm của công dân trong việc chủ động tìm hiểu các quy định của pháp luật. 	<ul style="list-style-type: none"> - Mục đích: Trang bị tri thức pháp luật; bồi dưỡng tình cảm, tâm lý và hình thành lòng tin vào pháp luật; hình thành thói quen và hành vi tích cực trong ứng xử. - Yêu cầu: Đảm bảo tính khoa học, tính chuẩn xác và truyền đạt trung thành các văn bản pháp luật; đảm bảo tính đại chúng, phù hợp với đối tượng, dễ hiểu, dễ nhớ và dễ áp dụng.

Chủ đề/nội dung	Yêu cầu cần đạt	Ghi chú
2. Hệ thống chính trị của Việt Nam	<ul style="list-style-type: none"> - Kể tên được các cơ quan, tổ chức trong hệ thống chính trị của nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam. - Nêu được chức năng, nhiệm vụ của các cơ quan, tổ chức trong hệ thống chính trị cơ sở trong tập hợp quần chúng tham gia vào các hoạt động xây dựng và phát triển đất nước, thực hiện dân chủ cơ sở. - Trình bày được vai trò của hệ thống chính trị cơ sở và các cơ quan thuộc hệ thống trong việc tổ chức và vận động nhân dân thực hiện đường lối của Đảng, chính sách và pháp luật của Nhà nước, tăng cường đại đoàn kết toàn dân. - Nêu được nội dung và phương thức hoạt động của các cơ quan, tổ chức trong hệ thống chính trị cơ sở. - Liên hệ được về hoạt động cụ thể của các cơ quan, tổ chức trong hệ thống chính trị tại địa phương. - Có ý thức tham gia các phong trào, hoạt động do tổ chức chính trị cơ sở phát động. 	<p>Hệ thống chính trị gồm: Đảng Cộng sản Việt Nam, Nhà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam, Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức chính trị - xã hội: Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh, Hội Liên hiệp Phụ nữ Việt Nam, Hội Cựu chiến binh Việt Nam, Hội Nông dân Việt Nam).</p> <p>- Vai trò của hệ thống chính trị: Tổ chức, vận động nhân dân thực hiện chủ trương, đường lối của Đảng; chính sách, pháp luật của Nhà nước, tăng cường đại đoàn kết toàn dân, thực hiện xây dựng dân chủ cơ sở.</p>
3. Bộ máy chính quyền nhà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam	<ul style="list-style-type: none"> - Kể tên được bộ máy chính quyền nhà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam. - Trình bày được chức năng, nhiệm vụ và quyền hạn của bộ máy chính quyền nhà nước ở địa phương gồm: cấp tỉnh/thành phố; cấp huyện/thị xã và cấp xã/phường/thị trấn. 	

Chủ đề/nội dung	Yêu cầu cần đạt	Ghi chú
	<ul style="list-style-type: none"> - Trình bày được thẩm quyền của chính quyền địa phương cấp huyện và cấp xã. - Phân biệt được sự khác nhau giữa nhiệm vụ và quyền hạn của Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân cấp xã, phường, thị trấn. - Trình bày được mối liên hệ giữa công dân với Ủy ban nhân dân và đại biểu Hội đồng nhân dân cấp xã, phường, thị trấn. - Có trách nhiệm thực hiện các chủ trương, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước và các quy định của chính quyền địa phương. - Có ý thức tự giác tham gia thực hiện giữ gìn an ninh, trật tự kỷ cương và an toàn xã hội ở địa phương. - Tôn trọng, ủng hộ, giúp đỡ cán bộ Ủy ban nhân dân xã, phường, thị trấn, đại biểu Hội đồng nhân dân xã, phường, thị trấn trong công tác. 	
4. Hệ thống tư vấn pháp luật và trợ giúp pháp lý	<ul style="list-style-type: none"> - Trình bày được khái niệm tư vấn pháp luật và trợ giúp pháp lý. - Nêu được mục đích và nguyên tắc khi tư vấn pháp luật và trợ giúp pháp lý. 	

Chủ đề/nội dung	Yêu cầu cần đạt	Ghi chú
	<ul style="list-style-type: none"> - Kể tên các đối tượng được tư vấn pháp luật và trợ giúp pháp lý. - Trình bày được các hình thức tư vấn pháp luật và trợ giúp pháp lý. - Trình bày được cách tổ chức thực hiện, lĩnh vực, phạm vi và quy trình tư vấn pháp luật và trợ giúp pháp lý. Nêu được quyền và nghĩa vụ của người được tư vấn pháp luật và trợ giúp pháp lý. - Nêu được thủ tục tiến hành khi có yêu cầu trợ giúp pháp lý đúng quy định của pháp luật. - Thực hành được về trợ giúp pháp lý theo tình huống thực tế tại địa phương. - Có trách nhiệm thực hiện quyền và nghĩa vụ của người được trợ giúp pháp lý theo đúng quy định của pháp luật. - Có ý thức thực hiện đúng quyền hạn và nghĩa vụ của người được trợ giúp pháp lý. 	
CHỦ ĐỀ 2. QUYỀN CON NGƯỜI, QUYỀN VÀ NGHĨA VỤ CƠ BẢN CỦA CÔNG DÂN		
7. Quyền con người	<ul style="list-style-type: none"> - Trình bày được khái niệm và nội dung về quyền con người. - Phân biệt được quyền con người và quyền công dân. 	Các quyền con người được quy định tại Hiến pháp 2013.

Chủ đề/nội dung	Yêu cầu cần đạt	Ghi chú
	<ul style="list-style-type: none"> - Kể tên đầy đủ các quyền con người được quy định trong Hiến pháp hiện hành. - Có trách nhiệm bảo vệ và thực hiện về quyền con người theo quy định của pháp luật. 	
8. Quyền và nghĩa vụ cơ bản của công dân	<ul style="list-style-type: none"> - Trình bày được khái niệm công dân, quyền cơ bản của công dân, nghĩa vụ của công dân. - Kể tên được các quyền và nghĩa vụ cơ bản của công dân được quy định tại Hiến pháp hiện hành. - Có ý thức trách nhiệm trong việc tôn trọng và thực thi các quyền và nghĩa vụ của công dân được quy định tại Hiến pháp hiện hành. 	Các quyền cơ bản của công dân được quy định tại Hiến pháp năm 2013 về các lĩnh vực chính trị, dân sự, kinh tế, văn hóa, xã hội.
9. Quyền cơ bản của công dân trong lĩnh vực chính trị, dân sự		
9.1. Quyền tham gia quản lý nhà nước, quản lý xã hội	<ul style="list-style-type: none"> - Nêu được khái niệm về quyền tham gia quản lý nhà nước, quản lý xã hội. - Trình bày được những nội dung cơ bản của quyền tham gia quản lý nhà nước và quản lý xã hội của công dân theo quy định của pháp luật. - Nêu được quyền tham gia quản lý nhà nước và quản lý xã hội của công dân bằng các hình thức: trực tiếp và gián tiếp; trách nhiệm của nhà nước và công dân trong việc 	

Chủ đề/nội dung	Yêu cầu cần đạt	Ghi chú
	<p>thực hiện quyền tham gia quản lý nhà nước và quản lý xã hội.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Nêu được các điều kiện để công dân tham gia quản lý nhà nước và quản lý xã hội. - Nêu được hậu quả của hành vi vi phạm quyền tham gia quản lý nhà nước, quản lý xã hội của công dân. - Liên hệ với thực tế địa phương về thực trạng thực hiện quyền tham gia quản lý nhà nước và quản lý xã hội của công dân. - Tự giác thực hiện các quy định của pháp luật về các quyền tham gia quản lý nhà nước và quản lý xã hội. - Biết cách thực hiện quyền tham gia quản lý nhà nước và xã hội phù hợp với điều kiện của bản thân theo đúng quy định của pháp luật. - Tích cực tham gia hoạt động xã hội trong cộng đồng. 	
9.2. Quyền bầu cử, ứng cử	<ul style="list-style-type: none"> - Trình bày được những nội dung cơ bản của quyền bầu cử, ứng cử vào Quốc hội và Hội đồng nhân dân theo quy định. - Nêu được trách nhiệm của Nhà nước và công dân trong việc thực hiện quyền bầu cử, ứng cử vào Quốc hội và Hội đồng nhân dân. 	

Chủ đề/nội dung	Yêu cầu cần đạt	Ghi chú
	<ul style="list-style-type: none"> - Nêu được các điều kiện để công dân tham gia quyền bầu cử và ứng cử. - Liên hệ với thực tiễn địa phương về thực trạng đảm bảo quyền bầu cử, ứng cử vào Quốc hội và Hội đồng nhân dân của công dân. - Thực hiện quyền bầu cử, ứng cử vào Quốc hội và Hội đồng nhân dân của công dân theo đúng quy định của pháp luật. - Có trách nhiệm tham gia và vận động người thân thực hiện quyền bầu cử, ứng cử vào Quốc hội và Hội đồng nhân dân theo đúng quy định của pháp luật. 	
9.3. Quyền bình đẳng của công dân	<ul style="list-style-type: none"> - Nêu được khái niệm về quyền bình đẳng trước pháp luật; - Trình bày được những quy định và nội dung cơ bản về quyền và nghĩa vụ bình đẳng của công dân trước pháp luật. - Nêu được nguyên tắc mọi công dân đều bình đẳng trước pháp luật. - Trình bày được trách nhiệm của Nhà nước trong việc đảm bảo quyền bình đẳng của công dân trước pháp luật. - Nêu được ý nghĩa của quyền bình đẳng của công dân đối với đời sống con người và xã hội. 	Quyền bình đẳng trước pháp luật gồm: Bình đẳng về quyền và nghĩa vụ; bình đẳng về trách nhiệm pháp lý.

Chủ đề/nội dung	Yêu cầu cần đạt	Ghi chú
	<ul style="list-style-type: none">- Nêu được các hành vi vi phạm quyền bình đẳng của công dân trong các tình huống đơn giản cụ thể của đời sống thực tiễn.- Liên hệ được thực tế địa phương về việc thực hiện quyền bình đẳng của công dân.- Có trách nhiệm thực hiện đúng quy định của pháp luật về quyền bình đẳng của công dân.- Tôn trọng quyền bình đẳng trước pháp luật của những người xung quanh.- Có thái độ phê phán những hành vi vi phạm quyền bình đẳng trước pháp luật của công dân.	
9.4. Quyền khiếu nại, tố cáo	<ul style="list-style-type: none">- Trình bày được những nội dung cơ bản quyền khiếu nại, tố cáo của công dân.- Nêu được trách nhiệm của cơ quan nhà nước, của người có thẩm quyền trong việc giải quyết khiếu nại, tố cáo; nghĩa vụ của công dân khi việc thực hiện quyền khiếu nại, tố cáo.- Phân biệt được sự khác nhau giữa quyền khiếu nại và quyền tố cáo.- Thực hiện quyền khiếu nại, tố cáo của công dân theo đúng quy định của pháp luật.	Theo Luật Khiếu nại, tố cáo.

Chủ đề/nội dung	Yêu cầu cần đạt	Ghi chú
	<ul style="list-style-type: none"> - Liên hệ được thực tế địa phương về việc giải quyết đơn khiếu nại, tố cáo của công dân. - Tôn trọng quyền khiếu nại, tố cáo của những người xung quanh và có thái độ không đồng tình với những hành vi vi phạm quyền khiếu nại, tố cáo. 	
<p>9.5. Quyền bất khả xâm phạm về thân thể; bất khả xâm phạm về chỗ ở; được bảo đảm an toàn, bí mật về thư tín, điện thoại, điện tín của công dân</p>	<ul style="list-style-type: none"> - Nêu được nội dung quyền bất khả xâm phạm về thân thể, chỗ ở, được bảo đảm an toàn, bí mật về thư tín, điện thoại, điện tín của công dân theo quy định. - Nêu được các hành vi vi phạm quyền bất khả xâm phạm về thân thể, bảo đảm an toàn, bí mật về thư tín, điện thoại, điện tín của công dân. - Biết cách bảo vệ quyền được bảo đảm an toàn, bí mật về thư tín, điện thoại, điện tín của công dân. - Biết sử dụng pháp luật để bảo vệ quyền bất khả xâm phạm về thân thể, bảo đảm an toàn, bí mật về thư tín, điện thoại, điện tín của bản thân và của những người xung quanh. - Liên hệ được thực tế về thực hiện quyền bất khả xâm phạm thân thể, bảo đảm an toàn, bí mật về thư tín, điện thoại, điện tín của công dân và trách nhiệm của chính quyền địa phương khi thực hiện các quyền này của công dân. 	

Chủ đề/nội dung	Yêu cầu cần đạt	Ghi chú
	<ul style="list-style-type: none"> - Tôn trọng quyền bất khả xâm phạm về thân thể, bảo đảm an toàn, bí mật về thư tín, điện thoại, điện tín của người khác. - Có ý thức tự bảo vệ quyền bất khả xâm phạm về thân thể, bảo đảm an toàn, bí mật về thư tín, điện thoại, điện tín của bản thân. - Có thái độ tích cực đấu tranh, phê phán, tố cáo các hành vi vi phạm quyền bất khả xâm phạm về thân thể và quyền được bảo đảm an toàn, bí mật về thư tín, điện thoại, điện tín của công dân. 	
<p>9.6. Quyền được pháp luật bảo hộ về tính mạng, sức khỏe, danh dự và nhân phẩm</p>	<ul style="list-style-type: none"> - Nêu được nội dung quyền được pháp luật bảo hộ về tính mạng, sức khỏe, danh dự và nhân phẩm của công dân. - Nêu được các hành vi vi phạm quyền được pháp luật bảo hộ về tính mạng, sức khỏe, danh dự và nhân phẩm của công dân. - Liên hệ thực tế về thực trạng thực hiện quyền được pháp luật bảo hộ về tính mạng, sức khỏe, danh dự và nhân phẩm của công dân và trách nhiệm của chính quyền địa phương đảm bảo việc thực hiện các quyền trên. - Có ý thức tự bảo vệ quyền được pháp luật bảo hộ về tính mạng, sức khỏe, danh dự và nhân phẩm của bản thân. 	<p>Điều 20 của Hiến pháp năm 2013 quy định về quyền được bảo hộ về tính mạng, sức khỏe, danh dự và nhân phẩm của công dân.</p>

Chủ đề/nội dung	Yêu cầu cần đạt	Ghi chú
9.7. Quyền tự do tín ngưỡng, tôn giáo	<ul style="list-style-type: none"> - Nhận biết được những biểu hiện của tín ngưỡng, tôn giáo. - Nêu được sự khác nhau giữa tín ngưỡng và tôn giáo. - Nêu được một số nội dung cơ bản về quyền tự do tín ngưỡng, tôn giáo của công dân. - Liên hệ được thực trạng thực hiện quyền tự do tín ngưỡng, tôn giáo ở địa phương. - Xác định được thế nào là thực hiện quyền tự do tín ngưỡng, tôn giáo đúng quy định của pháp luật. - Biết thực hiện quyền tự do tín ngưỡng, tôn giáo theo đúng quy định của pháp luật. Tôn trọng quyền tự do tín ngưỡng, tôn giáo của người khác. - Có thái độ không đồng tình với những hiện tượng lạm dụng tín ngưỡng, tôn giáo có hại cho đời sống cộng đồng. - Tích cực phê phán, đấu tranh với các hành vi lợi dụng tín ngưỡng, tôn giáo vi phạm trật tự an toàn xã hội. 	
9.8. Quyền được khai sinh, xác định dân tộc, quốc tịch	<ul style="list-style-type: none"> - Nêu được nội dung các quyền được khai sinh, xác định dân tộc, quyền đối với quốc tịch của công dân. - Trình bày được ý nghĩa của quyền được khai sinh, xác định dân tộc và quyền đối với quốc tịch của công dân. 	

Chủ đề/nội dung	Yêu cầu cần đạt	Ghi chú
	<ul style="list-style-type: none">- Nêu được căn cứ xác định người có quốc tịch Việt Nam và các giấy tờ chứng minh quốc tịch Việt Nam.- Nêu được các quy định của pháp luật về thời hạn đi khai sinh và trách nhiệm khai sinh, thủ tục đăng ký khai sinh (các giấy tờ cần thiết khi đăng ký), thẩm quyền đăng ký khai sinh.- Biết cách xác định dân tộc của bản thân và các thành viên trong gia đình. Biết được giá trị pháp lý của Giấy Khai sinh là giấy tờ hộ tịch gốc của mỗi cá nhân.- Có trách nhiệm vận động các gia đình thực hiện đăng ký khai sinh cho con em đúng quy định của pháp luật.	
9.9. Quyền sở hữu tài sản	<ul style="list-style-type: none">- Nêu được nội dung của quyền sở hữu và phân biệt được ba quyền năng của quyền sở hữu- Nêu được căn cứ xác lập quyền sở hữu theo quy định của pháp luật.- Trình bày được nguyên tắc cơ bản của quyền sở hữu, các hình thức sở hữu.- Trình bày được các quyền của người không phải chủ sở hữu đối với tài sản, phân biệt được phạm vi quyền của chủ sở hữu và quyền của người không phải chủ sở hữu đối với tài sản.	<ul style="list-style-type: none">- Quyền sở hữu là quyền của cá nhân, tổ chức đối với tài sản trong việc chiếm hữu, sử dụng và định đoạt.

Chủ đề/nội dung	Yêu cầu cần đạt	Ghi chú
	<ul style="list-style-type: none">- Vận dụng được các quy định của pháp luật để bảo vệ quyền sở hữu tài sản của cá nhân.- Thực hiện đúng các nghĩa vụ của chủ sở hữu. Tôn trọng quyền của các chủ thể khác liên quan đến quyền sở hữu.	
9.10. Quyền thừa kế	<ul style="list-style-type: none">- Trình bày được khái niệm thừa kế, nêu được các hình thức thừa kế.- Phân biệt được sự khác nhau giữa thừa kế theo di chúc và thừa kế theo pháp luật.- Nêu được các hình thức di chúc và thế nào là di chúc hợp pháp. Biết cách lập di chúc.- Chỉ ra được những người thuộc diện thừa kế không phụ thuộc vào di chúc.- Biết được các quyền của người để lại di sản; quyền và nghĩa vụ của người thừa kế.- Trình bày được điều kiện thừa kế theo pháp luật.- Tôn trọng quyền của người để lại di sản.- Thực hành liên hệ được thực tế về việc di chúc và quyền thừa kế tại địa phương hiện nay. Trách nhiệm của chính quyền địa phương trong việc thực hiện lập di chúc của người dân.	

Chủ đề/nội dung	Yêu cầu cần đạt	Ghi chú
	<ul style="list-style-type: none"> - Có trách nhiệm thực hiện quyền lợi và nghĩa vụ theo quy định của pháp luật về quyền thừa kế. 	
10. Quyền cơ bản của công dân trong lĩnh vực kinh tế, văn hóa - xã hội		
10.1. Quyền tự do kinh doanh	<ul style="list-style-type: none"> - Trình bày được khái niệm kinh doanh và quyền tự do kinh doanh của công dân. - Nêu được trách nhiệm của công dân trong việc sử dụng quyền tự do kinh doanh và thực hiện nghĩa vụ đóng thuế. - Thực hiện quyền tự do kinh doanh và nghĩa vụ đóng thuế theo đúng yêu cầu của pháp luật. - Liên hệ thực tế về quyền tự do kinh doanh của cá nhân và trách nhiệm của Nhà nước trong việc đảm bảo quyền tự do kinh doanh tại địa phương. - Có ý thức tôn trọng pháp luật về quyền tự do kinh doanh và nghĩa vụ đóng thuế; Có thái độ không đồng tình với những hành vi vi phạm pháp luật về kinh doanh và thuế. 	
10.2. Quyền và nghĩa vụ lao động	<ul style="list-style-type: none"> - Trình bày được khái niệm lao động; nêu được ý nghĩa quan trọng của lao động đối với con người và xã hội. - Nêu được nội dung quyền và nghĩa vụ lao động của công dân; trách nhiệm của Nhà nước trong việc thực hiện quyền lao động của công dân. 	

Chủ đề/nội dung	Yêu cầu cần đạt	Ghi chú
	<ul style="list-style-type: none"> - Trình bày được quy định của pháp luật đối với lao động chưa thành niên. - Liên hệ được thực tiễn địa phương trong việc thực hiện quyền và nghĩa vụ lao động của công dân. - Tôn trọng quy định của pháp luật; ủng hộ những việc làm đúng, phản đối những việc làm trái với quyền và nghĩa vụ lao động của công dân. 	
<p>10.3. Quyền học tập; Quyền nghiên cứu khoa học, kỹ thuật, phát minh, sáng chế, sáng tạo nghệ thuật,...</p>	<ul style="list-style-type: none"> - Nêu được ý nghĩa của việc học tập; quyền học tập, quyền sáng tạo của công dân. - Nêu được nội dung quyền và nghĩa vụ học tập, quyền sáng tạo của công dân. - Phân biệt được những biểu hiện đúng hoặc không đúng trong việc thực hiện quyền và nghĩa vụ học tập, quyền sáng tạo của công dân. - Trình bày được trách nhiệm Nhà nước và công dân trong việc đảm bảo quyền học tập, quyền nghiên cứu khoa học, kỹ thuật và sáng tạo của công dân. - Có trách nhiệm thực hiện quyền và nghĩa vụ học tập của công dân theo đúng quy định của pháp luật. - Liên hệ được thực tiễn việc thực hiện quyền và trách nhiệm của cá nhân trong học tập. 	

Chủ đề/nội dung	Yêu cầu cần đạt	Ghi chú
	<ul style="list-style-type: none"> - Tích cực tuyên truyền, động viên người thân thực hiện quyền và nghĩa vụ học tập, quyền sáng tạo của công dân. - Có ý thức học tập thường xuyên, học tập suốt đời. - Có thái độ tôn trọng và tạo điều kiện cho người thân thực hiện quyền học tập, quyền sáng tạo. 	
<p>10.4. Quyền làm việc, quyền được bảo đảm an sinh xã hội, quyền được bảo vệ, chăm sóc sức khỏe, khám chữa bệnh</p>	<ul style="list-style-type: none"> - Nêu được nội dung quyền làm việc, quyền được bảo đảm an sinh xã hội, quyền được bảo vệ, chăm sóc sức khỏe, khám chữa bệnh. - Trình bày được trách nhiệm của Nhà nước và công dân trong việc đảm bảo quyền của công dân. - Có ý thức tự bảo vệ và chăm sóc sức khỏe của bản thân và gia đình. - Có ý thức tích cực tuyên truyền, động viên người thân thực hiện quyền và nghĩa vụ khám chữa bệnh. 	
11. Nghĩa vụ của công dân		
<p>11.1. Nghĩa vụ bảo vệ Tổ quốc; bảo vệ an ninh quốc gia, trật tự an toàn xã hội và tham gia xây dựng quốc phòng toàn dân</p>	<ul style="list-style-type: none"> - Nêu được trách nhiệm của công dân trong việc bảo vệ quốc phòng và an ninh quốc gia, xây dựng nền quốc phòng toàn dân. - Xác định được nhiệm vụ bảo vệ Tổ quốc là quyền và nghĩa vụ của công dân. 	

Chủ đề/nội dung	Yêu cầu cần đạt	Ghi chú
	<ul style="list-style-type: none"> - Nêu được các hành vi xâm phạm an ninh quốc gia và các hành vi bị nghiêm cấm trong bảo vệ quốc phòng. Phát hiện, cung cấp kịp thời thông tin, tài liệu liên quan đến hoạt động xâm phạm an ninh quốc gia cho chính quyền hoặc cơ quan chuyên trách bảo vệ an ninh quốc gia. - Thực hiện đúng quyền, nghĩa vụ của công dân về bảo vệ quốc phòng và an ninh quốc gia; đăng ký nghĩa vụ quân sự đúng độ tuổi, sẵn sàng nhập ngũ khi có lệnh. - Liên hệ được thực tiễn của địa phương trong việc thực hiện nghĩa vụ bảo vệ tổ quốc của thanh niên. - Tự giác rèn luyện ý thức tổ chức kỷ luật, rèn luyện sức khỏe sẵn sàng nhập ngũ khi Tổ quốc yêu cầu. - Có ý thức tuân thủ và vận động gia đình, mọi người tuân thủ các quy định của pháp luật về bảo vệ quốc phòng, an ninh quốc gia. 	
11.2. Nghĩa vụ tuân theo Hiến pháp, pháp luật, chấp hành những quy tắc sinh hoạt cộng đồng	<ul style="list-style-type: none"> - Liệt kê được các nghĩa vụ cơ bản của công dân trong Hiến pháp. - Phân biệt được sự khác nhau giữa các quy định của pháp luật và quy tắc sinh hoạt của cộng đồng. - Thực hiện đúng nghĩa vụ, trách nhiệm của công dân theo quy định của Hiến pháp và pháp luật. 	<ul style="list-style-type: none"> - Nghĩa vụ cơ bản của công dân theo Hiến pháp 2013: Trung thành với Tổ quốc; nghĩa vụ bảo vệ Tổ quốc; nghĩa vụ quân sự và tham gia xây dựng quốc phòng toàn dân; nghĩa vụ tham gia bảo vệ an ninh quốc gia, trật tự, an toàn xã hội;

Chủ đề/nội dung	Yêu cầu cần đạt	Ghi chú
	<ul style="list-style-type: none"> - Liên hệ thực trạng của việc chấp hành những quy định của pháp luật trong sinh hoạt cộng đồng tại địa phương. - Chấp hành tốt các quy tắc sinh hoạt trong cộng đồng. - Có ý thức tuân thủ các quy định của pháp luật; vận động gia đình và mọi người tuân thủ các quy định của pháp luật, chấp hành quy tắc sinh hoạt cộng đồng. 	<ul style="list-style-type: none"> - Nghĩa vụ chấp hành các quy tắc sinh hoạt công cộng; nghĩa vụ bảo vệ môi trường; nghĩa vụ nộp thuế. - Nghĩa vụ học tập; nghĩa vụ tuân theo Hiến pháp và pháp luật Việt Nam.
11.3. Nghĩa vụ đóng thuế	<ul style="list-style-type: none"> - Nêu được khái niệm thuế, nghĩa vụ đóng thuế. - Trình bày được vai trò, ý nghĩa của thuế đối với Nhà nước và xã hội. - Kể tên được một số loại thuế và đối tượng nộp thuế. Phân biệt được sự khác nhau giữa các loại thuế. - Liên hệ thực tiễn việc thực hiện nghĩa vụ thuế của công dân ở địa phương. - Xác định được trách nhiệm của công dân trong việc thực hiện nghĩa vụ nộp thuế đối với Nhà nước. - Có trách nhiệm và nghĩa vụ thực hiện nộp thuế đầy đủ cho nhà nước theo quy định của pháp luật. - Có ý thức vận động gia đình và những người xung quanh thực hiện đúng quy định của pháp luật về thuế. - Tích cực đấu tranh với các hành vi trốn thuế, gian lận về thuế. 	<ul style="list-style-type: none"> - Khái niệm thuế là một khoản thu bắt buộc, không bồi hoàn trực tiếp của Nhà nước đối với các tổ chức và các cá nhân nhằm đáp ứng nhu cầu chi tiêu của Nhà nước vì lợi ích chung.

Chủ đề/nội dung	Yêu cầu cần đạt	Ghi chú
CHỦ ĐỀ 3. PHÁP LUẬT TRONG MỘT SỐ LĨNH VỰC CỦA ĐỜI SỐNG XÃ HỘI		
12. Chính sách đối với người nghèo và hộ nghèo	<ul style="list-style-type: none"> - Trình bày khái niệm người nghèo, hộ nghèo theo quy định của pháp luật. - Nêu được chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước đối với người nghèo và hộ nghèo. - Nêu được các quy định về chính sách đối với người nghèo và hộ nghèo. - Trình bày được các quy định của chính sách pháp luật ưu đãi đối với người nghèo: hỗ trợ về chi phí khám, chữa bệnh; miễn học phí cho học sinh, sinh viên; hỗ trợ vay vốn xây nhà ở; hỗ trợ tiền điện sinh hoạt hàng tháng.... - Liên hệ thực tế ở địa phương trong việc giải quyết chế độ chính sách cho người nghèo và hộ nghèo. - Có ý thức chia sẻ, hỗ trợ với người nghèo và hộ nghèo. - Có thái độ lên án, đấu tranh với những hành vi lợi dụng chính sách của Nhà nước đối với người nghèo và hộ nghèo. 	<ul style="list-style-type: none"> - Những quy định cụ thể về đối tượng, tiêu chuẩn, điều kiện để được công nhận và hưởng chế độ trợ cấp, phụ cấp của từng đối tượng cụ thể.

Chủ đề/nội dung	Yêu cầu cần đạt	Ghi chú
13. Chính sách đối với người có công, người cao tuổi, người khuyết tật	<ul style="list-style-type: none"> - Nêu được chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước đối với người có công, người cao tuổi, người khuyết tật. - Nêu được các quy định về chính sách đối với người có công, người cao tuổi, người khuyết tật. - Trình bày được những chính sách pháp luật ưu đãi dành cho người có công với cách mạng, người cao tuổi, người khuyết tật: Trợ giúp pháp lý; trợ giúp y tế; trợ cấp xã hội; trợ giúp giáo dục, việc làm... - Liên hệ được thực tế địa phương trong việc giải quyết chế độ chính sách đối với người có công, người cao tuổi, người khuyết tật. - Có ý thức trách nhiệm trong việc chia sẻ, hỗ trợ, giúp đỡ đối với người có công, người cao tuổi, người khuyết tật. - Có thái độ không đồng tình với những hành vi lợi dụng chính sách của Nhà nước đối với người có công, người cao tuổi, người khuyết tật. 	<ul style="list-style-type: none"> - Những quy định cụ thể về đối tượng, tiêu chuẩn, điều kiện để được công nhận và hưởng chế độ trợ cấp, phụ cấp của người có công, người cao tuổi, người khuyết tật.
14. Pháp luật về xử lý vi phạm hành chính	<ul style="list-style-type: none"> - Nêu được khái niệm vi phạm hành chính, xử phạt vi phạm hành chính, các biện pháp xử lý hành chính. Phân biệt được vi phạm hành chính và tội phạm. - Nêu được các hình thức xử phạt chính, hình thức xử phạt bổ sung và biện pháp khắc phục hậu quả. 	

Chủ đề/nội dung	Yêu cầu cần đạt	Ghi chú
	<ul style="list-style-type: none"> - Liên hệ được tình trạng vi phạm hành chính và việc xử phạt vi phạm hành chính ở địa phương. - Có ý thức tự giác thực hiện pháp luật trong đời sống. Vận động người thân trong gia đình nghiêm chỉnh chấp hành quy định của pháp luật. - Có trách nhiệm tích cực phát hiện, tố cáo mọi hành vi vi phạm pháp luật trong việc xử lý vi phạm hành chính theo quy định của pháp luật. 	
15. Pháp luật về tiếp cận thông tin và pháp luật thực hiện dân chủ ở cơ sở	<ul style="list-style-type: none"> - Nêu được nội dung, nguyên tắc về tiếp cận thông tin và việc thực hiện dân chủ ở cơ sở. - Nêu được quyền và nghĩa vụ của công dân trong việc tiếp cận thông tin và thực hiện dân chủ ở cơ sở. Nêu được trách nhiệm của chính quyền địa phương, Mặt trận tổ quốc và các tổ chức, cá nhân có thẩm quyền khác trong việc đảm bảo cho công dân được tiếp cận thông tin và thực hiện dân chủ ở cơ sở. - Nêu được các hành vi bị nghiêm cấm trong việc tiếp cận thông tin và thực hiện dân chủ ở cơ sở theo quy định của pháp luật. - Liên hệ được với thực tế địa phương về việc tiếp cận thông tin và thực hiện Luật dân chủ ở cơ sở. 	

Chủ đề/nội dung	Yêu cầu cần đạt	Ghi chú
	<ul style="list-style-type: none">- Biết cách thực hiện các quyền dân chủ của công dân ở xã, phường, thị trấn: quyền tham gia ý kiến; quyền tham gia bàn bạc và biểu quyết; quyền giám sát.- Tích cực học tập nâng cao nhận thức và ý thức trách nhiệm công dân thực hiện tốt quyền làm chủ của người dân ở cơ sở.- Tích cực phê phán, đấu tranh với các hành vi lợi dụng việc thực hiện dân chủ để xâm phạm an ninh quốc gia, trật tự, an toàn xã hội; xâm phạm lợi ích của Nhà nước, quyền và lợi ích hợp pháp của tổ chức, cá nhân.	
16. Pháp luật về đất đai	<ul style="list-style-type: none">- Xác định được đất đai thuộc sở hữu toàn dân do Nhà nước đại diện chủ sở hữu. Nêu được căn cứ xác lập quyền sử dụng đất và những bảo đảm của Nhà nước cho người sử dụng đất.- Trình bày được những hành vi bị Nhà nước nghiêm cấm trong quản lý, sử dụng đất.- Nêu được các quy định pháp luật về Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất; những trường hợp được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất; thẩm quyền cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất; quyền và nghĩa vụ của người sử dụng đất.	

Chủ đề/nội dung	Yêu cầu cần đạt	Ghi chú
	<ul style="list-style-type: none"> - Liên hệ được thực trạng việc cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất tại địa phương. - Có ý thức thực hiện đúng quy định của pháp luật về nguyên tắc chuyển quyền sử dụng đất và hình thức chuyển quyền sử dụng đất. - Có trách nhiệm tuân thủ thực hiện đúng quyền, nghĩa vụ của người sử dụng đất. - Có ý thức đấu tranh, phê phán các hành vi vi phạm pháp luật về đất đai. 	
17. Pháp luật về lao động	<ul style="list-style-type: none"> - Trình bày được khái niệm lao động. Nêu được nguyên tắc cơ bản của pháp luật lao động; quy định của pháp luật lao động về: hợp đồng lao động, tiền lương và tiền thưởng, bảo hiểm xã hội, tranh chấp và giải quyết tranh chấp lao động. - Xác định được loại hợp đồng lao động thích hợp khi tham gia quan hệ lao động. - Nêu được các quyền, nghĩa vụ của người lao động, người sử dụng lao động. - Trình bày được hậu quả về vi phạm pháp luật lao động trong các tình huống đơn giản thường gặp; nêu được 	Luật Lao động năm 2015 quy định về các nguyên tắc của Luật Lao động.

Chủ đề/nội dung	Yêu cầu cần đạt	Ghi chú
	<p>ý kiến thuyết phục trong thảo luận, tranh luận về một số vấn đề đang đặt ra trong đời sống liên quan đến pháp luật lao động.</p> <ul style="list-style-type: none">- Có ý thức đấu tranh bảo vệ quyền của người lao động. Tôn trọng và thực hiện đúng các nghĩa vụ của người lao động.- Tích cực, chủ động vận động mọi người xung quanh thực hiện đúng quy định về pháp luật lao động.	
18. Pháp luật về trật tự, an toàn giao thông	<ul style="list-style-type: none">- Trình bày được quy tắc chung khi tham gia giao thông đường bộ và một số hệ thống báo hiệu giao thông đường bộ.- Nêu được lợi ích của việc chấp hành các quy định pháp luật an toàn giao thông và tác hại của việc không chấp hành.- Kể tên được các hành vi làm ảnh hưởng đến trật tự, an toàn giao thông bị nghiêm cấm.- Trình bày được hậu quả của hành vi vi phạm các quy định của pháp luật về an toàn giao thông nói chung.- Liên hệ được thực trạng tham gia giao thông và việc giải quyết những hành vi làm ảnh hưởng đến trật tự, an toàn giao thông tại địa phương.- Có ý thức thực hiện đúng các quy định của pháp luật đối với người tham gia giao thông.	

Chủ đề/nội dung	Yêu cầu cần đạt	Ghi chú
	<ul style="list-style-type: none"> - Tích cực tham gia tuyên truyền, phổ biến pháp luật giao thông đường bộ, đường thủy, đường sắt. - Có trách nhiệm vận động gia đình và người thực hiện đúng các quy định của pháp luật khi tham gia giao thông. 	
19. Pháp luật về bảo vệ, chăm sóc và giáo dục trẻ em	<ul style="list-style-type: none"> - Trình bày được các quyền cơ bản và bổn phận của trẻ em. - Nhận biết được các hành vi vi phạm quyền trẻ em và các hình thức xử lý hành vi vi phạm. - Liên hệ được với thực tế bản thân trong việc thực hiện các quy định của pháp luật về quyền của trẻ em. - Thực hiện được trách nhiệm của cha mẹ, người giám hộ trong việc đảm bảo quyền cơ bản của trẻ em. Tôn trọng và thực hiện các quyền của trẻ em. - Nêu được trách nhiệm của cá nhân, cha mẹ và gia đình trong việc chăm sóc, nuôi dưỡng trẻ em. 	
20. Pháp luật về bảo vệ di sản văn hóa	<ul style="list-style-type: none"> - Trình bày được chính sách của Nhà nước bảo vệ và phát huy giá trị di sản văn hóa. - Nêu được ý nghĩa việc bảo vệ và phát huy giá trị của di sản văn hóa. - Nêu được các hành vi pháp luật nghiêm cấm để bảo vệ di sản văn hóa. 	

Chủ đề/nội dung	Yêu cầu cần đạt	Ghi chú
	<ul style="list-style-type: none">- Trình bày được quyền, nghĩa vụ của cá nhân và của chủ sở hữu di sản đối với di sản văn hóa.- Thực hành liên hệ được việc bảo vệ các di sản văn hóa tại địa phương và trách nhiệm của chính quyền địa phương và những hành động cụ thể của cá nhân trong việc bảo vệ di sản văn hóa.- Có ý thức đấu tranh với các hành vi vi phạm pháp luật về bảo vệ di sản văn hóa.- Có ý thức trách nhiệm tham gia giữ gìn và bảo vệ các di sản văn hóa tại địa phương.	
21. Pháp luật về vệ sinh an toàn thực phẩm	<ul style="list-style-type: none">- Nêu được các hành vi bị nghiêm cấm trong bảo đảm an toàn vệ sinh thực phẩm.- Kể tên được danh mục thực phẩm có nguy cơ mất vệ sinh an toàn thực phẩm.- Trình bày được các quy định của pháp luật về sản xuất kinh doanh thực phẩm tươi sống.- Nhận biết được cơ quan quản lý Nhà nước về vệ sinh an toàn thực phẩm của địa phương.- Liên hệ được thực trạng vệ sinh an toàn thực phẩm của địa phương.	

Chủ đề/nội dung	Yêu cầu cần đạt	Ghi chú
	<ul style="list-style-type: none"> - Có ý thức thực hiện quyền và trách nhiệm của người tiêu dùng về vệ sinh an toàn thực phẩm, Tự bảo vệ bản thân và gia đình trong việc đảm bảo an toàn thực phẩm. - Có trách nhiệm phát hiện và đấu tranh với các hành vi gây mất vệ sinh, an toàn thực phẩm trong cộng đồng. - Có ý thức truyền thông, cung cấp thông tin và hướng dẫn cộng đồng thực hiện đúng các quy định của pháp luật về vệ sinh an toàn thực phẩm. 	
22. Pháp luật về hôn nhân và gia đình	<ul style="list-style-type: none"> - Trình bày được những nguyên tắc cơ bản của chế độ hôn nhân và gia đình. - Nêu được các quy định của pháp luật về điều kiện kết hôn và những trường hợp cấm kết hôn. - Nêu được các quy định về thẩm quyền đăng ký kết hôn, thủ tục đăng ký kết hôn (các giấy tờ cần thiết có liên quan khi đăng ký kết hôn). - Phân biệt được hôn nhân hợp pháp và hôn nhân bất hợp pháp. - Thực hiện được các quyền, nghĩa vụ của vợ và chồng về nhân thân và về tài sản. Thực hiện được nghĩa vụ và trách nhiệm của cha, mẹ đối với con cái. 	

Chủ đề/nội dung	Yêu cầu cần đạt	Ghi chú
	<ul style="list-style-type: none">- Liên hệ được thực tiễn việc thực hiện thủ tục đăng ký kết hôn tại địa phương và việc xử lý các trường hợp hôn nhân bất hợp pháp.- Có ý thức thực hiện đúng các quy định pháp luật về hôn nhân và gia đình, có trách nhiệm trong việc xây dựng gia đình hòa thuận, hạnh phúc.	
23. Pháp luật về phòng, chống bạo lực gia đình	<ul style="list-style-type: none">- Trình bày được khái niệm bạo lực gia đình; kể tên được các hành vi bạo lực gia đình.- Nêu được những tác hại của hành vi bạo lực gia đình gây ảnh hưởng trực tiếp đến sức khỏe thể chất và tinh thần của người bị bạo lực gia đình.- Nêu được các nguyên tắc phòng, chống bạo lực gia đình.- Trình bày được quyền của nạn nhân bạo lực gia đình và trách nhiệm của người có hành vi bạo lực gia đình.- Liên hệ được thực trạng về những hành vi bạo lực gia đình tại địa phương và trách nhiệm của chính quyền địa phương trong việc giải quyết vấn đề này.- Chỉ ra được các hành vi bị nghiêm cấm trong phòng, chống bạo lực gia đình.	

Chủ đề/nội dung	Yêu cầu cần đạt	Ghi chú
	<ul style="list-style-type: none"> - Thực hiện được trách nhiệm của bản thân trong phòng, chống bạo lực gia đình. - Biết phê phán, ngăn chặn các hành vi bạo lực gia đình và giúp đỡ người là nạn nhân của bạo lực gia đình. 	
24. Pháp luật về dân sự	<ul style="list-style-type: none"> - Nêu được khái niệm, các nguyên tắc và một số chế định cụ thể của pháp luật dân sự: quyền và nghĩa vụ dân sự. - Trình bày được quyền và nghĩa vụ về nhân thân và tài sản của cá nhân, pháp nhân trong các quan hệ dân sự. - Nêu được các dấu hiệu vi phạm pháp luật dân sự trong các tình huống cụ thể đơn giản thường gặp. - Trình bày được trách nhiệm và hậu quả khi không thực hiện đúng các nghĩa vụ dân sự trong các quan hệ dân sự. - Có trách nhiệm thực hiện đúng các quy định của pháp luật về quyền và nghĩa vụ khi tham gia các quan hệ dân sự trong xã hội. - Tích cực, chủ động vận động người khác chấp hành đúng các quy định của luật về dân sự. 	
25. Pháp luật về hình sự	<ul style="list-style-type: none"> - Trình bày được khái niệm tội phạm; các hình phạt. - Kể tên các tội phạm dựa trên tính chất và mức độ nguy hiểm của hành vi phạm tội. 	

Chủ đề/nội dung	Yêu cầu cần đạt	Ghi chú
	<ul style="list-style-type: none"> - Nêu được các nguyên tắc xử lý hình sự. - Trình bày được những quy định đối với người dưới 18 tuổi phạm tội. - Nêu được trách nhiệm pháp lý và hậu quả khi công dân phạm tội. - Liên hệ được thực tế về tình hình phạm tội tại địa phương. - Thực hành được một tình huống giả định về tội phạm hình sự và trách nhiệm pháp lý. - Có trách nhiệm thực hiện đúng các quy định pháp luật về hình sự. - Có ý thức vận động người thân trong gia đình thực hiện đúng các quy định của pháp luật hình sự. 	
26. Pháp luật về khiếu nại, tố cáo	<ul style="list-style-type: none"> - Nêu được khái niệm về khiếu nại, tố cáo. - Trình bày được quyền và nghĩa vụ của người tố cáo, người bị khiếu nại, tố cáo và người có trách nhiệm giải quyết việc khiếu nại, tố cáo. - Nêu được quy trình khi thực hiện quyền khiếu nại, tố cáo. - Trình bày được nguyên tắc giải quyết tố cáo; trách nhiệm của cơ quan, tổ chức, cá nhân có thẩm quyền trong việc tiếp nhận, giải quyết tố cáo. 	

Chủ đề/nội dung	Yêu cầu cần đạt	Ghi chú
	<ul style="list-style-type: none"> - Mô tả được thủ tục, trình tự, thời hiệu và thời hạn giải quyết khiếu nại, tố cáo theo quy định của pháp luật. - Nêu được các hành vi bị nghiêm cấm trong khiếu nại, tố cáo và giải quyết khiếu nại, tố cáo. - Có ý thức thực hiện đúng các quyền và nghĩa vụ của người tố cáo. 	
27. Pháp luật an toàn thông tin mạng	<ul style="list-style-type: none"> - Trình bày được khái niệm an toàn thông tin mạng. Phân biệt được khái niệm an ninh mạng và an toàn thông tin mạng. - Nêu được những quy định về hoạt động an toàn thông tin mạng, quyền, trách nhiệm của cơ quan, tổ chức, cá nhân trong việc bảo đảm an toàn thông tin mạng. - Nêu được các hành vi bị nghiêm cấm về an toàn thông tin trên mạng, can thiệp, truy cập, gây nguy hại, xóa, thay đổi, sao chép và làm sai lệch thông tin trên mạng trái pháp luật. Các quy định về xử lý các hành vi vi phạm về an toàn thông tin trên mạng. - Liên hệ được thực tiễn việc vi phạm an ninh thông tin mạng xảy ra hiện nay và các hành động ứng xử để đảm bảo an toàn thông tin mạng. 	

Chủ đề/nội dung	Yêu cầu cần đạt	Ghi chú
	<ul style="list-style-type: none">- Có trách nhiệm trong việc tự bảo vệ thông tin cá nhân của mình và có ý thức tuân thủ quy định của pháp luật về cung cấp thông tin cá nhân khi sử dụng dịch vụ trên không gian mạng.	
28. Pháp luật về an ninh mạng	<ul style="list-style-type: none">- Trình bày được khái niệm an ninh mạng; các nguyên tắc bảo vệ an ninh mạng.- Nêu được các hành vi nghiêm cấm về an ninh mạng và các quy định xử lý các hành vi vi phạm an ninh mạng.- Trình bày được những quy định xử lý hành vi xâm phạm an ninh mạng.- Nêu được những quy định về bảo vệ trẻ em trên không gian mạng.- Thực hành được việc xử lý các tình huống công dân có hành vi vi phạm an ninh mạng.- Trình bày được trách nhiệm của cá nhân khi sử dụng không gian mạng.- Có ý thức tuân thủ những quy định của pháp luật khi hoạt động trên không gian mạng.	

Chủ đề/nội dung	Yêu cầu cần đạt	Ghi chú
29. Pháp luật về nghĩa vụ quân sự	<ul style="list-style-type: none"> - Trình bày được khái niệm nghĩa vụ quân sự; trách nhiệm của công dân khi thực hiện nghĩa vụ quân sự, bảo vệ tổ quốc. - Nêu được độ tuổi và tiêu chuẩn công dân thực hiện nghĩa vụ quân sự. - Trình bày được những quy định về các trường hợp miễn và hoãn thực hiện nghĩa vụ quân sự của công dân. - Nêu quyền lợi của công dân khi tham gia thực hiện nghĩa vụ quân sự. - Trình bày các quy định về hành vi vi phạm và các mức xử lý vi phạm của công dân khi không thực hiện đúng các quy định về nghĩa vụ quân sự. - Liên hệ được thực tế việc thực hiện nghĩa vụ quân sự của thanh niên tại địa phương. - Thực hành được việc xử lý tình huống thực tế khi công dân không thực hiện nghĩa vụ quân sự tại địa phương. - Có trách nhiệm thực hiện nghĩa vụ quân sự của công dân để bảo vệ chủ quyền của Tổ quốc Việt Nam, động viên người thân trong gia đình thực hiện đúng các quy định về nghĩa vụ quân sự để bảo vệ tổ quốc. - Phê phán và ngăn chặn các hành vi không tham gia thực hiện nghĩa vụ quân sự của công dân. 	

III. HƯỚNG DẪN THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH

1. Thời lượng

Chương trình Giáo dục pháp luật đã quy định thời lượng cụ thể cho từng nội dung, chủ đề. Thời lượng thực hiện toàn bộ chương trình là 180 tiết, trong đó 104 tiết lý thuyết và 76 tiết thực hành, có thể tổ chức với thời lượng 60 buổi; mỗi buổi 3 tiết, không quy định về số tiết và số buổi trong tuần, tháng và năm. Hằng năm, các địa phương xây dựng kế hoạch Giáo dục pháp luật với thời lượng tối thiểu là 30 tiết trở lên.

Nội dung Giáo dục pháp luật được thiết kế linh hoạt, mềm dẻo. Khi tổ chức thực hiện Chương trình Giáo dục pháp luật cho người dân, các địa phương căn cứ vào sự hiểu biết về pháp luật của người học để lựa chọn các mạch nội dung, chủ đề cụ thể cho phù hợp với từng đối tượng người học, đảm bảo đúng các yêu cầu cần đạt và thời lượng đã được quy định tại chương trình.

Căn cứ vào đối tượng người học để lựa chọn nội dung giáo dục pháp luật cho phù hợp, cụ thể như sau:

- Đối với người dân ở vùng dân tộc thiểu số, miền núi, vùng sâu, vùng xa, biên giới, ven biển, hải đảo: Nội dung giáo dục pháp luật tập trung vào các quy định về quyền cơ bản của công dân, các quy định về dân tộc, tôn giáo, trách nhiệm tham gia bảo vệ, giữ gìn an ninh, quốc phòng, biên giới, chủ quyền quốc gia, biển đảo Việt Nam.

- Đối với người khuyết tật: Nội dung tập trung vào các quy định pháp luật về quyền của người khuyết tật; chế độ, chính sách của Nhà nước, trách nhiệm của Nhà nước và xã hội trong việc tạo điều kiện, hỗ trợ người khuyết tật.

- Đối với người học là phụ nữ và trẻ em gái là nạn nhân của bạo lực gia đình: Nội dung giáo dục tập trung vào các quy định của pháp luật về hôn nhân và gia đình; bình đẳng giới, phòng, chống bạo lực gia đình, trách nhiệm của Nhà nước và xã hội trong việc hỗ trợ, bảo vệ nạn nhân bạo lực gia đình.

- Đối với thanh niên: Nội dung giáo dục tập trung vào các quy định về quyền và nghĩa vụ của công dân, trách nhiệm của công dân trong việc bảo vệ tổ quốc theo Luật Nghĩa vụ quân sự; pháp luật về hình sự, xử lý vi phạm hành chính, pháp luật về trật tự, an toàn giao thông, pháp luật về phòng chống ma túy và các tệ nạn xã hội, pháp luật về an ninh mạng.

2. Hướng dẫn tổ chức dạy học

a) Phương pháp dạy học

Nội dung giáo dục pháp luật hình thành, phát triển cho người học các phẩm chất và năng lực của người công dân thông qua các bài học về pháp luật, chuyển các kiến thức pháp luật thành ý thức và hành vi của người công dân trong việc thực hiện pháp luật. Vì vậy, giáo viên/báo cáo viên phải sử dụng các phương pháp dạy học tích cực phù hợp, cụ thể:

- Khi tổ chức hướng dẫn các chủ đề, nội dung giáo dục pháp luật, người dạy sử dụng phương pháp dạy học: đóng vai, nghiên cứu tình huống cụ thể. Chú trọng tổ chức, hướng dẫn các hoạt động để người học tự khám phá, phân tích, khai thác thông tin, xử lý tình huống thực tiễn, trường hợp điển hình; tăng cường sử dụng các thông tin, tình huống, trường hợp của thực tế cuộc sống xung quanh, gần gũi với đời sống để người học có thể phân tích, đối chiếu, minh họa làm tăng tính hấp dẫn của các bài học đạt hiệu quả, phát triển kỹ năng và thái độ tích cực, trên cơ sở đó hình thành, phát triển phẩm chất và năng lực của người công dân.

- Tăng cường sử dụng các phương pháp dạy học phân tích trường hợp điển hình kết hợp nêu những tấm gương công dân chấp hành pháp luật tiêu biểu; xử lý tình huống có tính thời sự về pháp luật trong cuộc sống hằng ngày.

- Kết hợp các hình thức dạy học theo hướng linh hoạt, phù hợp, hiệu quả; tăng cường thực hành, rèn luyện kỹ năng trong các tình huống cụ thể của đời sống; tích cực sử dụng các phương tiện dạy học nhằm đa dạng, cập nhật thông tin, tạo hứng thú cho người học.

b) Hình thức tổ chức dạy học

- Tổ chức giảng dạy trực tiếp các quy định của pháp luật cho người dân trong cộng đồng, tư vấn hướng dẫn xử lý tình huống thực tiễn, giải đáp pháp luật theo chủ đề phù hợp với nhu cầu của người dân.

- Giáo dục pháp luật cho người dân trên địa bàn và vận động nhân dân tham gia các buổi học tập pháp luật được tổ chức tại Ủy ban nhân dân xã, phường, thị trấn; lồng ghép với các cuộc họp thôn, bản, tổ dân phố; ký cam kết không vi phạm pháp luật, hòa giải.

- Tổ chức giáo dục pháp luật theo hình thức thi tìm hiểu pháp luật. Triển khai hình thức thi khác nhau đối với mỗi đối tượng cụ thể như thi viết, sân khấu hóa với tiểu phẩm có các chủ đề pháp luật cho phù hợp với các đối tượng không chỉ nâng cao kiến thức pháp luật cho người dự thi mà còn là môi trường học tập để người xem tự cập nhật kiến thức pháp luật có hiệu quả.

- Giáo dục pháp luật trên các phương tiện thông tin đại chúng, loa truyền thanh, internet, pa-nô, áp-phích, tranh cổ động; đăng tải thông tin pháp luật trên trang thông tin điện tử; niêm yết tại trụ sở, bảng tin của cơ quan, tổ chức, khu dân cư.

- Lồng ghép giáo dục pháp luật trong hoạt động văn hóa, văn nghệ, sinh hoạt của tổ chức chính trị và các đoàn thể, câu lạc bộ, tủ sách pháp luật và các thiết chế văn hóa khác ở cơ sở.

c) Đánh giá kết quả học tập

- Đánh giá kết quả học tập của người học không chỉ nhằm mục đích kiểm tra việc ghi nhớ kiến thức, mà chủ yếu nhằm đánh giá năng lực vận dụng kiến thức, kỹ năng đã học vào giải quyết các vấn đề liên quan đến các mối quan hệ về pháp luật trong cuộc sống của bản thân, việc thay đổi thái độ, hành vi của người học trong thực hiện chấp hành nghiêm các quy định của pháp luật. Việc kiểm tra, đánh giá kết quả học tập của người học đảm bảo những yêu cầu cần đạt đã quy định.

- Trong một buổi học, giáo viên, báo cáo viên có thể kiểm tra, đánh giá kết quả của người học bằng nhiều hình thức như quan sát, phiếu trắc nghiệm, thông qua việc trả lời các câu hỏi liên quan đến thực tiễn cuộc sống, qua trò chơi.

- Sau mỗi một chủ đề, giáo viên, báo cáo viên kiểm tra, đánh giá kết quả người học được thực hiện bằng bài kiểm tra trắc nghiệm, qua bài thu hoạch hoặc kế hoạch hành động vận dụng kiến thức đã học vào thực tế cuộc sống. Chú trọng sử dụng các bài tập xử lý tình huống được xây dựng trên cơ sở gắn kiến thức của nội dung pháp luật với thực tiễn đời sống, đặc biệt là những tình huống, sự việc, vấn đề, hiện tượng của thực tế cuộc sống xung quanh, gần gũi với người học.

- Tăng cường các câu hỏi mở gắn với thực tiễn trong các bài tập kiểm tra, đánh giá để người học được thể hiện phẩm chất và năng lực tìm hiểu pháp luật của người học.

- Kết quả đánh giá được xếp loại Đạt và Chưa đạt. Xếp loại Đạt nếu người học thực hiện được 50% yêu cầu cần đạt của chủ đề.

- Sau khi học xong chủ đề, người học làm bài kiểm tra và Đạt yêu cầu thì được cấp Giấy chứng nhận hoàn thành chủ đề.

3. Các điều kiện đảm bảo thực hiện chương trình

a) Đội ngũ giáo viên, báo cáo viên

- Đội ngũ giáo viên, báo cáo viên tổ chức giảng dạy về giáo dục pháp luật là người có bằng tốt nghiệp đại học Luật, có thời gian công tác trong lĩnh vực pháp luật ít nhất là 02 năm hoặc giáo viên tốt nghiệp đại học sư phạm ngành chính trị gồm: Cán bộ, công chức, viên chức trong các lực lượng vũ trang, công chức tư pháp cấp xã, công chức phòng tư pháp, giáo viên dạy môn Giáo dục kinh tế và pháp luật.

- Yêu cầu của giáo viên, báo cáo viên giảng dạy chương trình giáo dục pháp luật phải có phẩm chất, đạo đức tốt, lập trường tư tưởng vững vàng, có uy tín trong công tác; có khả năng làm việc với cộng đồng, được tập huấn, bồi dưỡng kiến thức pháp luật.

- Giáo viên, báo cáo viên có nghĩa vụ truyền đạt chính xác nội dung các văn bản quy phạm pháp luật của Nhà nước.

b) Cơ sở vật chất và thiết bị dạy học

- Cơ sở vật chất: Đảm bảo cho việc tổ chức các hoạt động giáo dục pháp luật. Tùy vào quy mô và hình thức tổ chức các hoạt động giáo dục để đảm bảo bố trí phòng học cho phù hợp với nội dung của chủ đề và quy mô của lớp học.

- Thiết bị dạy học: Máy tính, máy chiếu, tivi, video, các bài giảng.

- Tài liệu: Các văn bản quy phạm pháp luật gồm: Hiến pháp năm 2013; các bộ luật, Nghị định, Thông tư; những tài liệu của lĩnh vực giáo dục pháp luật đã được biên soạn và phát hành; bộ câu hỏi - đáp về pháp luật, các tờ rơi, sách mỏng, bài báo, bản tin, tạp chí có nội dung liên quan đến pháp luật.

CHƯƠNG TRÌNH GIÁO DỤC VĂN HÓA - XÃ HỘI

I. MỤC TIÊU

Chương trình Giáo dục văn hóa - xã hội là một lĩnh vực giáo dục của Chương trình Giáo dục đáp ứng yêu cầu của người học nhằm góp phần tăng cường và phát triển phẩm chất và năng lực về văn hóa - xã hội để ứng xử và giải quyết có hiệu quả các vấn đề nảy sinh từ cuộc sống của bản thân, gia đình, cộng đồng trong bối cảnh chuyển đổi số góp phần phát triển bền vững văn hóa xã hội của địa phương và đất nước.

1. Năng lực

- Nêu được những kiến thức cơ bản, cần thiết về các vấn đề văn hóa - xã hội gồm: Con người Việt Nam, văn hóa Việt Nam, giới và bình đẳng giới, các vấn đề xã hội và văn hóa địa phương.

- Biết được các quy định cơ bản, cần thiết về các lĩnh vực văn hóa - xã hội về di tích lịch sử, danh lam thắng cảnh của đất nước, truyền thống văn hóa, các vấn đề về hạnh phúc gia đình, bình đẳng giới và phòng chống các tệ nạn xã hội, góp phần phát triển cộng đồng bền vững.

- Vận dụng được các kiến thức, kỹ năng về văn hóa - xã hội để giải quyết các vấn đề khi tham gia các quan hệ xã hội của công dân trong các tình huống của thực tiễn cuộc sống, góp phần nâng cao chất lượng cuộc sống của bản thân, gia đình và cộng đồng.

2. Phẩm chất

- Yêu nước: Tình yêu quê hương, đất nước và con người Việt Nam. Tự hào và trân trọng công lao đóng góp của các danh nhân, giữ gìn và bảo vệ các danh lam thắng cảnh, các giá trị truyền thống đạo đức, văn hóa và con người Việt Nam.

- Nhân ái: Có tình yêu thương đối với những người thân trong gia đình; biết chia sẻ, giúp đỡ cộng đồng trong lúc hoạn nạn, khó khăn.

- Trách nhiệm: Biết trân trọng và có ý thức trách nhiệm duy trì, phát triển và bảo vệ và phát huy những giá trị văn hóa, các giá trị truyền thống của dân tộc. Có thái độ phản đối, ngăn chặn các hành vi tiêu cực, các tệ nạn xã hội, các hành vi bạo lực đối với phụ nữ và bạo hành đối với trẻ em.

- Có ý thức tích cực tuyên truyền và vận động mọi người trong gia đình và cộng đồng duy trì và phát huy những giá trị văn hóa, những truyền thống tốt đẹp của dân tộc Việt Nam.

II. NỘI DUNG GIÁO DỤC VÀ YÊU CẦU CẦN ĐẠT

1. Nội dung khái quát

Chủ đề/nội dung	Thời lượng (Tổng số tiết)	Trong đó số tiết	
		Lý thuyết	Thực hành
CHỦ ĐỀ 1. CON NGƯỜI VIỆT NAM	18	10	8
1. Danh nhân Việt Nam trong lịch sử dân tộc (trong các lĩnh vực, chính trị, quân sự, văn hóa, khoa học công nghệ, giáo dục đào tạo)	12	6	6
2. Hệ giá trị đạo đức, chuẩn mực con người Việt Nam trong thời kỳ mới	3	2	1
3. Phát triển con người Việt Nam trong kỷ nguyên số	3	2	1
CHỦ ĐỀ 2. VĂN HÓA VIỆT NAM	84	56	28
4. Di sản văn hóa	6	4	2
5. Phong tục tập quán	6	4	2
6. Lễ hội truyền thống	6	4	2
7. Tôn giáo, tín ngưỡng	6	4	2

Chủ đề/nội dung	Thời lượng (Tổng số tiết)	Trong đó số tiết	
		Lý thuyết	Thực hành
8. Văn học dân gian và văn học đương đại	6	4	2
9. Văn hóa của các dân tộc	6	4	2
10. Các loại hình nghệ thuật truyền thống	6	4	2
11. Văn hóa ứng xử	6	4	2
12. Văn hóa trên không gian mạng	3	2	1
13. Văn hóa đọc	3	2	1
14. Văn hóa ẩm thực các vùng miền và dân tộc	6	4	2
15. Danh lam thắng cảnh nổi tiếng của Việt Nam	6	4	2
16. Chuyên đổi số trong lĩnh vực văn hóa	6	4	2
17. Hội nhập quốc tế và giữ gìn bản sắc văn hóa của dân tộc	6	4	2
18. Giáo dục văn hóa gắn với bảo vệ môi trường, ứng phó với biến đổi khí hậu	6	4	2
CHỦ ĐỀ 3. GIỚI VÀ BÌNH ĐẲNG GIỚI	24	12	12
19. Giới và bình đẳng giới	6	3	3
20. Bạo lực giới	6	3	3
21. Lạm dụng và xâm hại tình dục	6	3	3
22. Bạo lực đối với trẻ em	6	3	3

Chủ đề/nội dung	Thời lượng (Tổng số tiết)	Trong đó số tiết	
		Lý thuyết	Thực hành
CHỦ ĐỀ 4. XÃ HỘI VIỆT NAM	30	17	13
23. Cấu trúc làng xã Việt Nam	6	4	2
24. Các tệ nạn xã hội	6	3	3
25. Lao động trẻ em	6	3	3
26. Gia đình ở Việt Nam	6	4	2
27. Nạn tảo hôn	6	3	3
CHỦ ĐỀ 5. VĂN HÓA ĐỊA PHƯƠNG	24	12	12
28. Lễ hội truyền thống của địa phương	6	3	3
29. Phong tục, tập quán của địa phương	6	3	3
30. Danh lam thắng cảnh của địa phương	6	3	3
31. Loại hình nghệ thuật truyền thống của địa phương	6	3	3
Tổng số tiết	180	107	73

2. Nội dung cụ thể và yêu cầu cần đạt

Chương trình giáo dục - văn hóa xã hội gồm 5 chủ đề, mỗi chủ đề có nội dung và yêu cầu cần đạt về phẩm chất và năng lực như sau:

Chủ đề/Nội dung	Yêu cầu cần đạt	Ghi chú
CHỦ ĐỀ 1. CON NGƯỜI VIỆT NAM		
1. Danh nhân Việt Nam	<ul style="list-style-type: none"> - Trình bày được khái niệm danh nhân. - Kể tên được một số danh nhân tiêu biểu trong các lĩnh vực: chính trị, quân sự, văn hóa, khoa học và công nghệ, giáo dục và đào tạo. - Trình bày được một số nội dung chính về thân thế, sự nghiệp, vai trò của danh nhân trong các lĩnh vực thông qua ví dụ cụ thể. - Có ý thức trân trọng những đóng góp của danh nhân Việt Nam trong lịch sử dân tộc. 	<ul style="list-style-type: none"> - Khái niệm: Danh nhân là những người kiệt xuất, có nhân cách, tài năng và nổi tiếng trong lịch sử. Họ có những đóng góp quan trọng đối với dân tộc và nhân loại nên được cộng đồng thừa nhận và kính trọng.
2. Hệ giá trị và chuẩn mực con người Việt Nam trong thời kỳ mới	<ul style="list-style-type: none"> - Nêu được bối cảnh xã hội Việt Nam trong thời kỳ mới. - Xác định được các hệ giá trị và chuẩn mực con người Việt Nam trong thời kỳ mới. - Áp dụng được một số chuẩn mực, giá trị đạo đức vào trong cuộc sống. - Có trách nhiệm giữ gìn và phát triển hệ giá trị và chuẩn mực của con người Việt Nam. 	<ul style="list-style-type: none"> - Hệ giá trị con người Việt Nam gồm: <i>Yêu nước, đoàn kết, tự cường, nghĩa tình, trung thực, trách nhiệm, kỷ cương, sáng tạo.</i>
3. Phát triển con người Việt Nam trong kỷ nguyên số	<ul style="list-style-type: none"> - Xác định được đặc điểm của kỷ nguyên số. - Nêu được những đặc điểm của con người Việt Nam trong kỷ nguyên số. 	

Chủ đề/Nội dung	Yêu cầu cần đạt	Ghi chú
	<ul style="list-style-type: none"> - Trình bày và sử dụng được một số ứng dụng về chuyển đổi số vào thực tiễn cuộc sống. - Đề xuất được giải pháp phát triển con người Việt Nam trong kỷ nguyên số. - Có ý thức hoàn thiện bản thân để phù hợp với xã hội chuyển đổi số. 	
CHỦ ĐỀ 2. VĂN HÓA VIỆT NAM		
4. Di sản văn hóa	<ul style="list-style-type: none"> - Nêu được khái niệm di sản văn hóa vật thể và di sản văn hóa phi vật thể. - Liệt kê được một số di sản văn hóa vật thể và di sản văn hóa phi vật thể tiêu biểu của Việt Nam. - Trình bày được vai trò và giá trị của các di sản văn hóa đối với đời sống con người và xã hội. - Nêu được các biện pháp để bảo tồn và phát huy các giá trị lịch sử, văn hóa của các di sản văn hóa. - Liên hệ kể được tên những di sản văn hóa và các giải pháp bảo tồn các di sản văn hóa này tại địa phương. - Có ý thức trách nhiệm giữ gìn và phát huy các giá trị của di sản văn hóa trong đời sống xã hội. 	<ul style="list-style-type: none"> - Khái niệm di sản văn hóa vật thể và di sản văn hóa phi vật thể quy định tại Luật Di sản 2001. - Di sản văn hóa phi vật thể: Hát xoan Phú Thọ; Dân ca quan họ Bắc Ninh; Nhã nhạc cung đình Huế; Không gian văn hóa công chiêng Tây Nguyên; Đờn ca tài tử Nam Bộ;.... - Di sản văn hóa vật thể: Hoàng thành Thăng Long; Thành nhà Hồ; quần thể di tích cố đô Huế; Phố cổ Hội An; Thánh địa Mỹ Sơn,...

Chủ đề/Nội dung	Yêu cầu cần đạt	Ghi chú
5. Phong tục tập quán	<ul style="list-style-type: none"> - Kể tên được một số phong tục, tập quán của người Việt Nam. - Phân tích được nét đẹp của phong tục, tập quán người Việt Nam. - Liên hệ kể được tên những phong tục, tập quán còn đến hiện nay tại địa phương. - Có thái độ phê phán, bài trừ các phong tục, tập quán cổ hủ, lạc hậu và những kiêng kỵ không đúng. - Có ý thức bảo tồn và phát huy các phong tục, tập quán tốt đẹp. - Có trách nhiệm tuyên truyền cho mọi người trong gia đình, cộng đồng về những kiêng kỵ không đúng, phản khoa học hiện nay ở địa phương. 	<ul style="list-style-type: none"> - Phong tục: Giỗ tết, tế lễ, cưới hỏi, tang lễ, sinh dưỡng, giao thiệp, đạo hiếu, ...
6. Lễ hội truyền thống	<ul style="list-style-type: none"> - Kể tên được một số lễ hội truyền thống của các dân tộc Việt Nam. - Trình bày được các giá trị của lễ hội truyền thống ở Việt Nam. - Liên hệ được các lễ hội truyền thống tại địa phương. - Có ý thức giữ gìn và bảo tồn lễ hội truyền thống của các dân tộc Việt Nam. - Có trách nhiệm quảng bá nét đẹp và tự hào đối với lễ hội truyền thống Việt Nam. 	<ul style="list-style-type: none"> - Lễ hội chung: Tết Nguyên đán, Tết Trung thu. - Ở miền Bắc: Lễ hội Chùa Hương, lễ hội Đền Hùng, lễ hội Chọi Trâu Đồ Sơn, lễ hội Đống Đa, lễ hội đền Hai Bà Trưng,... - Ở miền Trung: Hội đua voi ở Tây Nguyên, lễ hội Cầu

Chủ đề/Nội dung	Yêu cầu cần đạt	Ghi chú
	<ul style="list-style-type: none"> - Có thái độ phê phán một số hạn chế trong việc tổ chức các lễ hội truyền thống. 	<p>Ngư Đà Nẵng, lễ Rước Mực đồng,...</p> <ul style="list-style-type: none"> - Ở miền Nam: Lễ hội Xa Mắc, lễ hội Bà Chúa sứ, lễ hội Núi Bà Đen,...
7. Tôn giáo, tín ngưỡng	<ul style="list-style-type: none"> - Trình bày được một số loại hình tín ngưỡng, tôn giáo phổ biến ở Việt Nam. - Nêu được đặc điểm một số tín ngưỡng và tôn giáo ở Việt Nam. - Nêu được chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước về tín ngưỡng và tôn giáo. - Liên hệ được việc thực hiện các tín ngưỡng và tôn giáo tại địa phương. - Có ý thức tôn trọng quyền tự do tín ngưỡng, tôn giáo của các cá nhân và cộng đồng. - Có hành động phản đối các hành vi lợi dụng tín ngưỡng, tôn giáo để chống đối Nhà nước. 	<ul style="list-style-type: none"> - Tín ngưỡng: Tục thờ cúng tổ tiên, thờ Thành hoàng, thờ Phật, thờ các thần linh, thờ các anh hùng có công với nước, với dân, đặc biệt thờ Mẫu (mẹ). - Các loại tôn giáo chính: Phật giáo, Thiên Chúa giáo...
8. Văn học dân gian và văn học đương đại	<ul style="list-style-type: none"> - Nêu được tầm quan trọng của văn học dân gian và văn học đương đại trong đời sống. - Liệt kê và nêu được ý nghĩa của một số tác phẩm phổ biến trong văn học dân gian và văn học đương đại. 	<p>Văn học dân gian: truyện cổ tích, truyền thuyết, truyện ngụ ngôn, truyện cười.</p>

Chủ đề/Nội dung	Yêu cầu cần đạt	Ghi chú
	<ul style="list-style-type: none"> - Liên hệ kể được tên những tác phẩm về văn học dân gian của địa phương. - Trình bày được những giá trị của văn học dân gian và văn học đương đại đối với đời sống xã hội hiện nay. - Có ý thức giữ gìn và phát huy các giá trị nhân văn của văn học dân gian và văn học hiện đại trong đời sống. 	
9. Văn hóa của các dân tộc	<ul style="list-style-type: none"> - Nêu được nét văn hóa đặc trưng của các dân tộc trên các vùng lãnh thổ Việt Nam. - Trình bày được sự khác nhau giữa văn hóa của các vùng miền, các dân tộc. - Liên hệ nêu được những đặc trưng của văn hóa các dân tộc tại địa phương sinh sống. - Có ý thức tôn trọng, giữ gìn và bảo vệ văn hóa và tôn trọng văn hóa đặc trưng của các dân tộc trên đất nước Việt Nam. 	
10. Các loại hình nghệ thuật truyền thống	<ul style="list-style-type: none"> - Nêu được đặc điểm một số loại hình nghệ thuật truyền thống của Việt Nam. - Nêu được giá trị của loại hình nghệ thuật truyền thống đối với đời sống con người. - Trình bày được vai trò của các loại hình nghệ thuật truyền thống đối với đời sống văn hóa, lao động sản xuất. 	<ul style="list-style-type: none"> - Nhóm nghệ thuật sân khấu: Tuồng, Chèo, Cải lương, Múa rối, Xiếc, Kịch nói, Kịch dân ca, Kịch câm, Ca, múa, nhạc, Ngâm thơ, Tấu hài, Tạp kỹ.

Chủ đề/Nội dung	Yêu cầu cần đạt	Ghi chú
	<ul style="list-style-type: none"> - Liên hệ kể tên được các loại hình nghệ thuật truyền thống của địa phương và các biện pháp bảo tồn các loại hình nghệ thuật truyền thống hiện nay. - Có ý thức bảo tồn và phát huy giá trị của các loại hình nghệ thuật truyền thống Việt Nam. - Có trách nhiệm giới thiệu, quảng bá các loại hình nghệ thuật truyền thống tại địa phương cho cộng đồng và bạn bè quốc tế. 	<ul style="list-style-type: none"> - Nhóm nghệ thuật âm nhạc: Dân ca, Nhạc cổ truyền... - Nhóm nghệ thuật múa: Múa dân gian, Múa cổ truyền, Múa hiện đại. - Nhóm nghệ thuật tạo hình: Hội họa, Điêu khắc, Chạm khắc. - Nhóm nghệ thuật ngôn từ: Ca trù, Quan họ, Hát văn.
11. Văn hóa ứng xử	<ul style="list-style-type: none"> - Nêu được quan niệm văn hóa ứng xử. - Trình bày được đặc điểm giao tiếp của người Việt Nam. - Phân tích được vai trò, ý nghĩa của văn hóa ứng xử đối với gia đình và xã hội. - Nêu được một số quy tắc văn hóa ứng xử trong gia đình, nơi công cộng, nơi làm việc, trong trường học, trong cộng đồng. - Nêu được thực trạng về văn hóa ứng xử hiện nay (trong gia đình, cộng đồng, nơi làm việc, trong trường học). - Đề xuất được các giải pháp để khắc phục tình trạng ứng xử thiếu văn hóa của một số cá nhân trong cộng đồng. - Có ý thức tôn trọng, giữ gìn và phát huy nét đẹp trong văn hóa giao tiếp của con người Việt Nam. 	<p>Văn hóa ứng xử được thể hiện qua lời nói, cử chỉ, tác phong, tốc độ giải quyết vấn đề. Văn hóa ứng xử cũng phản ánh nhân cách của một con người.</p>

Chủ đề/Nội dung	Yêu cầu cần đạt	Ghi chú
12. Văn hóa trên không gian mạng	<ul style="list-style-type: none">- Nêu được khái niệm và những biểu hiện của văn hóa trên không gian mạng.- Nhận biết được tầm quan trọng của việc thể hiện văn hóa ứng xử trên không gian mạng.- Phân tích được mối quan hệ giữa không gian mạng và môi trường thực.- Biết cách giữ an toàn cho cá nhân và gia đình trên không gian mạng (về thông tin cá nhân, về sức khỏe tâm thần, về tài chính).- Biết cách tự quản lý và xây dựng văn hóa trên không gian mạng.- Có ý thức ứng xử có văn hóa trên không gian mạng.	
13. Văn hóa đọc	<ul style="list-style-type: none">- Nêu được khái niệm văn hóa đọc, vai trò và ý nghĩa của việc đọc sách.- Trình bày được hình thức và kỹ năng đọc hiệu quả trên sách in, sách điện tử, thông tin trên các phương tiện truyền thông.- Phân tích được những mặt tích cực, hạn chế về văn hóa đọc của Việt Nam hiện nay.- Thực hành liên hệ được thực tiễn về việc đọc sách tại địa phương và đề xuất được các hành động cụ thể để phát triển văn hóa đọc trong cộng đồng.- Có ý thức tuyên truyền để phát triển văn hóa đọc trong gia đình, dòng học và trong cộng đồng.	Văn hóa đọc: thói quen đọc, sở thích đọc và kỹ năng đọc.

Chủ đề/Nội dung	Yêu cầu cần đạt	Ghi chú
14. Văn hóa ẩm thực các vùng miền	<ul style="list-style-type: none"> - Trình bày được đặc điểm chung của ẩm thực Việt Nam, đặc điểm ẩm thực theo vùng, miền (Bắc, Trung, Nam). - Nêu được những giá trị văn hóa thể hiện qua cách thức ăn uống các món ăn truyền thống của vùng miền và dân tộc. - Trình bày được tầm quan trọng của giá trị dinh dưỡng của ẩm thực đối với sức khỏe của mỗi cá nhân và gia đình. - Thực hành kể được tên và giới thiệu về văn hóa ẩm thực của địa phương. - Có trách nhiệm giới thiệu, quảng bá văn hóa ẩm thực của địa phương, của vùng miền. 	
15. Danh lam thắng cảnh	<ul style="list-style-type: none"> - Kể được tên, địa điểm của một số danh lam thắng cảnh nổi tiếng ở Việt Nam (khu dự trữ sinh quyển, bờ biển, thác nước). - Nêu được ý nghĩa của các danh lam thắng cảnh ở Việt Nam. - Có thái độ yêu mến, tự hào về cảnh đẹp của quê hương, đất nước - Có ý thức và tuyên truyền mọi người trong gia đình, cộng đồng có ý thức giữ gìn, bảo vệ danh lam thắng cảnh của quốc gia và địa phương. 	<p>Các danh lam thắng cảnh nổi tiếng: Cao nguyên Đá Đồng Văn (Hà Giang); Đỉnh Phan xi păng (Lào Cai); Vịnh Hạ Long (Quảng Ninh); Vườn Quốc gia Phong Nha Kẻ Bàng (Quảng Bình); Thánh Địa Mỹ Sơn; ...</p>
16. Chuyển đổi số trong lĩnh vực văn hóa	<ul style="list-style-type: none"> - Nêu được khái niệm chuyển đổi số, lợi ích của chuyển đổi số đối với cá nhân, cộng đồng và xã hội. - Trình bày được tầm quan trọng của việc chuyển đổi số trong lĩnh vực văn hóa. 	

Chủ đề/Nội dung	Yêu cầu cần đạt	Ghi chú
	<ul style="list-style-type: none"> - Biết cách tìm kiếm và truy cập vào các địa chỉ số về lĩnh vực văn hóa. - Thực hành được việc giới thiệu các di sản văn hóa, ẩm thực đặc sắc của địa phương trên các mạng xã hội. 	
17. Hội nhập quốc tế và giữ gìn bản sắc văn hóa	<ul style="list-style-type: none"> - Nêu được khái niệm hội nhập quốc tế, tầm quan trọng và ý nghĩa của việc hội nhập quốc tế của Việt Nam. - Nêu được cơ hội, thách thức đối với phát huy bản sắc văn hóa dân tộc Việt Nam trong quá trình hội nhập quốc tế. - Trình bày được các giải pháp để giữ gìn bản sắc văn hóa dân tộc trong quá trình hội nhập quốc tế. - Có ý thức giữ gìn bản sắc văn hóa của dân tộc, đồng thời tiếp thu có chọn lọc nền văn hóa của các nước khác. 	
18. Giáo dục văn hóa gắn với bảo vệ môi trường, ứng phó với biến đổi khí hậu	<ul style="list-style-type: none"> - Nêu được các cách thức, hình thức giáo dục văn hóa gắn với bảo vệ môi trường, ứng phó với biến đổi khí hậu. - Nêu được các nội dung giáo dục văn hóa gắn với bảo vệ môi trường, ứng phó với biến đổi khí hậu. - Trình bày được tầm quan trọng của việc giáo dục văn hóa gắn với bảo vệ môi trường, ứng phó với biến đổi khí hậu. - Có ý thức tôn trọng và giữ gìn bảo vệ môi trường bằng những hành động và việc làm cụ thể của bản thân, gia đình và cộng đồng. 	

Chủ đề/Nội dung	Yêu cầu cần đạt	Ghi chú
CHỦ ĐỀ 3. GIỚI VÀ BÌNH ĐẲNG GIỚI		
19. Giới và bình đẳng giới	<ul style="list-style-type: none"> - Trình bày được khái niệm về giới, bình đẳng giới; vai trò của giới trong gia đình và xã hội. - Nêu được tầm quan trọng của bình đẳng giới đối với cá nhân, gia đình và xã hội. - Mô tả được các hành vi vi phạm pháp luật về bình đẳng giới trong gia đình và trong các lĩnh vực của đời sống xã hội. - Nêu được một số quy định pháp luật về bình đẳng giới (Luật Hôn nhân gia đình, Luật Bình đẳng giới; Luật Lao động). - Nêu được quyền và nghĩa vụ của nạn nhân bị bạo lực gia đình. - Liên hệ được thực tế việc thực hiện bình đẳng giới tại địa phương. - Có trách nhiệm thực hiện và bảo đảm bình đẳng giới trong gia đình và tại cộng đồng. 	
20. Bạo lực giới	<ul style="list-style-type: none"> - Trình bày được khái niệm về bạo lực giới; kể tên những hành vi bạo lực giới. - Nêu được nguyên nhân và hậu quả của bạo lực giới. Đề xuất được những giải pháp phòng chống bạo lực giới. - Thực hành được một số kỹ năng phòng, tránh bạo lực giới. - Nêu được một số quy định của pháp luật về phòng, chống bạo lực giới. 	

Chủ đề/Nội dung	Yêu cầu cần đạt	Ghi chú
	<ul style="list-style-type: none"> - Có ý thức phản đối, tố cáo, ngăn cản các hành vi bạo lực giới trong gia đình và cộng đồng. - Tích cực tham gia tuyên truyền trong gia đình và cộng đồng về phòng, chống bạo lực giới nhằm thay đổi nhận thức, hành vi về bạo lực gia đình. 	
<p>21. Lạm dụng và xâm hại tình dục</p>	<ul style="list-style-type: none"> - Nêu được khái niệm lạm dụng tình dục và xâm hại tình dục. - Phân biệt được sự khác nhau giữa lạm dụng và xâm hại tình dục. - Nhận diện được các dấu hiệu hoặc biểu hiện của người bị lạm dụng và xâm hại tình dục (dấu hiệu trên cơ thể, dấu hiệu cảm xúc, hành vi) và các hành vi lạm dụng và xâm hại tình dục. - Phân tích được nguyên nhân, hậu quả của việc bị lạm dụng và xâm hại tình dục. - Thực hành được một số kỹ năng phòng tránh bị lạm dụng và xâm hại tình dục: Giao tiếp hiệu quả, tìm kiếm sự giúp đỡ,... - Nêu lên được một số quy định pháp luật về phòng, chống lạm dụng và xâm hại tình dục. - Có kỹ năng phòng, tránh bị lạm dụng, xâm hại tình dục. 	<ul style="list-style-type: none"> - Lạm dụng tình dục là quá trình trong đó một người lợi dụng vị thế của mình nhằm dụ dỗ hay cưỡng ép người khác tham gia vào hoạt động tình dục. - Xâm hại tình dục là việc dùng vũ lực, đe dọa dùng vũ lực, ép buộc, lôi kéo, dụ dỗ người khác tham gia vào các hành vi liên quan đến tình dục, bao gồm hiếp dâm, cưỡng dâm, giao cấu, dâm ô.

Chủ đề/Nội dung	Yêu cầu cần đạt	Ghi chú
22. Bạo lực đối với trẻ em	<ul style="list-style-type: none"> - Nêu được khái niệm về bạo lực trẻ em. - Liệt kê được các hình thức bạo lực đối với trẻ em hiện nay. - Mô tả được một số dấu hiệu hoặc biểu hiện hành vi trẻ em bị bạo lực (biểu hiện trên cơ thể, biểu hiện về tâm lý, thái độ, hành vi của trẻ em bị bạo lực). - Phân tích được nguyên nhân và hậu quả của bạo lực đối với trẻ em hiện nay; Liên hệ được thực tế địa phương. - Trình bày được các quy định pháp luật về phòng chống bạo lực đối với trẻ em. - Có trách nhiệm bảo vệ trẻ em trong gia đình không bị bạo lực. - Có ý thức phản đối, tố cáo, ngăn cản các hành vi bạo lực đối với trẻ em. 	

VĂN PHÒNG CHÍNH PHỦ XUẤT BẢN

Địa chỉ: Số 1, Hoàng Hoa Thám, Ba Đình, Hà Nội
Điện thoại liên hệ:
- Nội dung: 080.44417; Fax: 080.44517
- Phát hành: 080.48543
Email: congbao@chinhphu.vn
Website: <http://congbao.chinhphu.vn>
In tại: Xí nghiệp Bản đồ 1- Bộ Quốc phòng